

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỒNG VĂN BÌNH (Chủ biên)

TRẦN THÚY NGÀ - LƯU NGỌC SINH - LÊ THỊ HIỀN - PHẠM NGỌC ĐỨC

TÀI LIỆU HỌC XÓA MÙ CHỮ

TOÁN

KỲ 3

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu Học Xóa mù chữ Toán Kỳ 3 dành riêng cho các học viên theo học Chương trình xóa mù chữ tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục được phép tổ chức giảng dạy Chương trình giáo dục thường xuyên về xóa mù chữ. Tài liệu này không chỉ giúp học viên có được những kiến thức, kỹ năng toán học cơ bản ban đầu mà còn tìm thấy toán học trong cuộc sống hằng ngày qua những bài tập vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống.

Tài liệu Học Xóa mù chữ Toán Kỳ 3 được viết dễ hiểu, theo cấu trúc hoạt động; các ví dụ hay bài tập hướng tới học viên tính vận dụng cao, gắn với cuộc sống xung quanh, gần gũi với người học, hấp dẫn, tạo động lực cho học viên và từng bước thấy được những ứng dụng của toán học trong thực tiễn, trong lao động sản xuất.

Để học tốt môn Toán, học viên hãy làm theo hướng dẫn của các thầy cô, tham gia các hoạt động giáo dục do giáo viên tổ chức. Đặc biệt, học viên hãy tích cực trao đổi, thảo luận nhóm trong các hoạt động hình thành kiến thức và vận dụng kiến thức. Làm được điều đó, học viên sẽ nuôi dưỡng tình yêu toán học và yêu thích môn học này.

Hy vọng cuốn sách này sẽ là người bạn đồng hành, thân thiết, gắn bó với các học viên trong suốt cả kỳ học.

Chúc các anh/chị học viên học tập chăm chỉ và thành công.

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn những đóng góp quý báu để Tài liệu này được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Trân trọng!

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU

Gửi các anh/chị học viên Kỳ 3!

Trong Tài liệu, các bài học đều được thiết kế theo cấu trúc gồm những phần, theo thứ tự và ý nghĩa của biểu tượng như sau:



Khởi động

Là gợi ý một hoạt động từ tình huống thực tiễn liên quan tới kiến thức toán học cần tìm hiểu cụ thể trong bài học.



Hình thành kiến thức

Là hoạt động khám phá các nội dung kiến thức trọng tâm, cốt lõi mà học viên cần đạt được trong bài học.



Luyện tập

Hệ thống các bài tập có sử dụng trực tiếp các kiến thức của bài học để học viên luyện tập, rèn kỹ năng.



Vận dụng

Hệ thống các bài tập có tính vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống thực tiễn mà học viên cần làm để tăng cường thực hành, trải nghiệm, hướng tới hình thành năng lực/phẩm chất; gắn kiến thức toán học với cuộc sống, lao động sản xuất.

Ký hiệu Ý nghĩa của ký hiệu



?

Tìm dấu lớn hơn, bé hơn hay bằng nhau.

Số?

Tìm số thích hợp. Đây là các bài tập liên quan tới số nhằm củng cố, tăng cường kỹ năng giải toán.

Viết

Học viên viết vào vở ghi theo yêu cầu của bài tập.



Điền số hoặc dấu vào ô trống hoặc ô tròn trong vở ghi (không ghi vào Tài liệu).

(Lưu ý: Các anh/chị giữ gìn Tài liệu cẩn thận, không viết vào Tài liệu để sử dụng được lâu dài).

MỤC LỤC

Bài 1. Ôn tập các số trong phạm vi 1 000	7
Bài 2. Ôn tập về phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 1 000	11
Bài 3. Ôn tập về phép nhân, phép chia	14
Bài 4. Ôn tập về hình học và đo lường	17
Bài 5. Các số trong phạm vi 10 000	21
Bài 6. Các số trong phạm vi 100 000	25
Bài 7. So sánh các số trong phạm vi 100 000	30
Bài 8. Làm tròn số	34
Bài 9. Làm quen với chữ số La Mã	38
Bài 10. Phép cộng trong phạm vi 100 000	41
Bài 11. Phép trừ trong phạm vi 100 000	44
Bài 12. Nhân với số có một chữ số (không nhớ)	47
Bài 13. Nhân với số có một chữ số (có nhớ)	50
Bài 14. Phép chia hết, phép chia có dư	53
Bài 15. Chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số	57
Bài 16. Chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số (tiếp theo)	60
Bài 17. Luyện tập chung	64
Bài 18. Gấp một số lên một số lần	67
Bài 19. Giảm một số đi một số lần	70
Bài 20. Một phần mấy	73
Bài 21. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé	77

Bài 22. Làm quen với biểu thức số. Tính giá trị của biểu thức số.....	80
Bài 23. Tìm thành phần chưa biết của phép tính	84
Bài 24. Luyện tập chung.....	88
Bài 25. Nhiệt độ.....	91
Bài 26. Góc vuông, góc không vuông	93
Bài 27. Tam giác, tứ giác. Hình chữ nhật, hình vuông	96
Bài 28. Chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác. Chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông	100
Bài 29. Điểm ở giữa. Trung điểm của đoạn thẳng	103
Bài 30. Hình tròn, tâm, đường kính, bán kính. Vẽ trang trí hình tròn ...	107
Bài 31. Khối hộp chữ nhật. Khối lập phương	109
Bài 32. Thực hành xem đồng hồ	111
Bài 33. Tháng - năm.....	115
Bài 34. Diện tích. Đơn vị đo diện tích. Xăng-ti-mét vuông. Mét vuông ...	118
Bài 35. Diện tích hình chữ nhật. Diện tích hình vuông.....	121
Bài 36. Bảng thống kê số liệu.....	124
Bài 37. Khả năng xảy ra của một sự kiện	127
Bài 38. Ôn tập cuối kỳ	129

Bài 1

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1 000



Hãy viết 4 số có ba chữ số.

- Đọc các số vừa viết. Chẳng hạn: 657; 340; 999; 123
- Nói cho bạn nghe mỗi số đó gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị rồi viết số đó thành tổng, chẳng hạn: $657 = 600 + 50 + 7$
- Chỉ ra số lớn nhất, số bé nhất trong các số vừa viết.



1. Số?

a)

.?. đơn vị = 1 chục

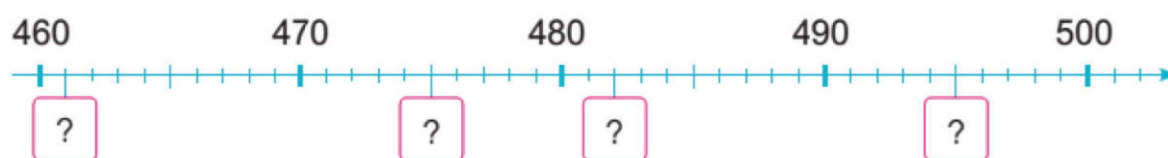
.?. chục = 1 trăm

.?. trăm = 1 nghìn

b)

Đọc số	Viết số	Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị
Bốn trăm bảy mươi lăm	475	$400 + 70 + 5$
Hai trăm ba mươi một	.?.	.?.
.?.	814	.?.
.?.	.?.	$500 + 4$

2. Số?



3. a) Số?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
55	56	57
?	100	?
?	499	?
?	880	?
?	631	?
?	999	?

b) Viết một số bất kỳ rồi chỉ ra số liền trước, số liền sau của số vừa viết.

4. Viết số thích hợp vào dấu chấm (theo mẫu)

Mẫu: Số 841 gồm 8 trăm 4 chục 1 đơn vị. Ta viết $841 = 800 + 40 + 1$

a) Số 674 gồm ... trăm ... chục ... đơn vị. Ta viết $674 = \dots\dots\dots?$

b) Số 730 gồm ... trăm ... chục ... đơn vị. Ta viết $730 = \dots\dots\dots?$

c) Số 906 gồm ... trăm ... chục ... đơn vị. Ta viết $906 = \dots\dots\dots?$

d) Số 888 gồm ... trăm ... chục ... đơn vị. Ta viết $888 = \dots\dots\dots?$

5.



a) $505 \square 550$

$399 \square 401$

$100 \square 90 + 9$

b) $400 + 70 + 5 \square 475$

$738 \square 700 + 30 + 7$

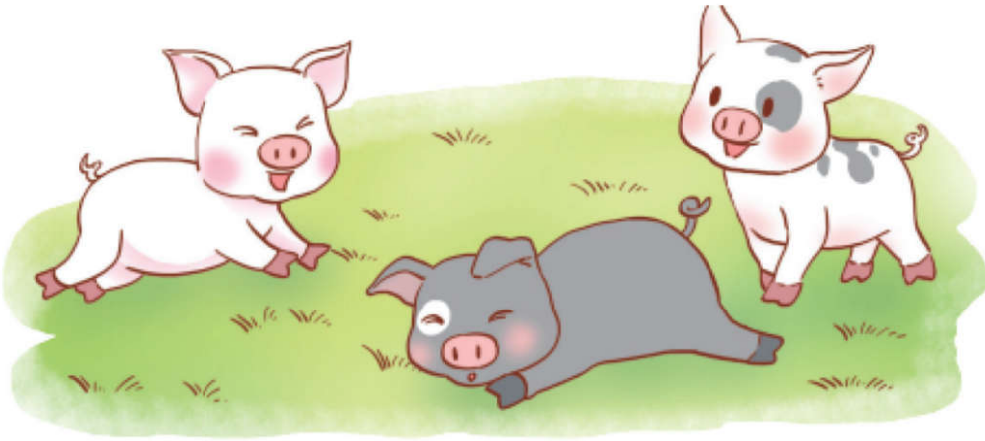
$50 + 1 \square 50 - 1$

6. a) Viết các số 98; 562; 409; 726 theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Viết các số 1 000; 879; 507; 999 theo thứ tự từ lớn đến bé.



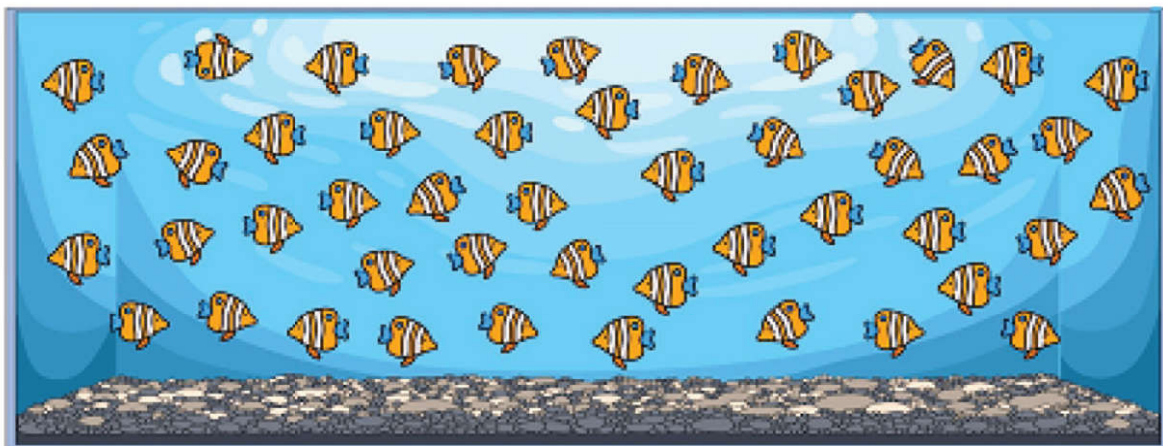
7. Nhà chị Năm nuôi được ba con lợn cân nặng lần lượt là 89kg; 121kg; 108kg. Biết lợn trắng nặng nhất và lợn đen nặng hơn lợn khoang.



Trả lời câu hỏi:

- a) Con lợn đen cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?
- b) Con lợn trắng cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?
- c) Con lợn khuông cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

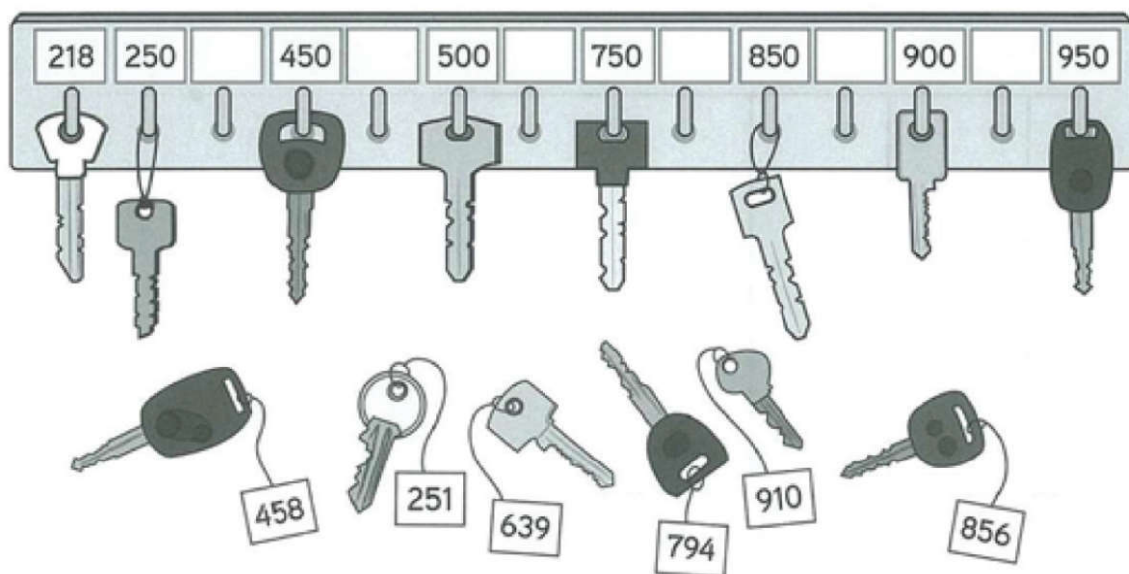
8. Ước lượng theo nhóm 1 chục rồi đếm để kiểm tra lại:



Ước lượng: Có khoảng .?. con cá.

Kết quả đếm: Có .?. con cá.

9. Tìm vị trí thích hợp cho mỗi chiếc chìa khóa



Bài 2

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1 000



Hãy nêu một tình huống có phép cộng hoặc phép trừ trong cuộc sống. Chẳng hạn, anh Dũng thu hoạch được 250kg bí xanh và 150kg bí đỏ.

$$250 \text{ kg} + 150 \text{ kg} = 400 \text{ kg}.$$

Vậy anh Dũng đã thu hoạch được tất cả 400kg bí xanh và bí đỏ.



1. Tính

$8 + 2$

$9 + 5$

$13 - 4$

$10 - 3$

$38 + 2$

$19 + 5$

$23 - 4$

$50 - 3$

$98 + 2$

$29 + 5$

$83 - 4$

$100 - 3$

2. Đặt tính rồi tính

$49 + 25$

$63 - 58$

$37 + 63$

$637 + 151$

$524 - 219$

$362 + 418$

3. Tính nhẩm

$200 + 300$

$9 + 5$

$14 - 6$

$600 + 100$

$90 + 50$

$140 - 60$

$700 - 300$

$190 + 50$

$240 - 60$

$900 - 500$

$90 + 150$

$480 - 60$

4. Số?

a)

Số hạng	630	957	409	322	749
Số hạng	140	16	416	68	5
Tổng	770				

b)

Số bị trừ	760	384	340	728	563
Số trừ	345	276	80	635	237
Hiệu	415				

5. Đọc bảng sau rồi trả lời câu hỏi:

Quãng đường	Dài khoảng
Hà Nội - Vinh	300km
Hà Nội - Lai Châu	450km
Hà Nội - Quảng Ninh	153km
Hà Nội - Thanh Hóa	150km

- a) Quãng đường Hà Nội - Vinh xa hơn quãng đường Hà Nội - Thanh Hóa bao nhiêu ki-lô-mét?
- b) Quãng đường Hà Nội - Vinh gần hơn quãng đường Hà Nội - Lai Châu bao nhiêu ki-lô-mét?



6. Anh Sáu thả xuống ao 367 con cá chép, 280 con cá rô phi. Hỏi anh Sáu đã thả tất cả bao nhiêu con cá?

Bài giải:

Anh Sáu thả tất cả cá chép và cá rô phi là: $.?. + .?. = .?.$ (con)

Đáp số: $.?.$ con cá.



7. Con trâu cân nặng 630kg. Con nghé cân nặng 140kg. Hỏi con trâu nặng hơn con nghé bao nhiêu ki-lô-gam?

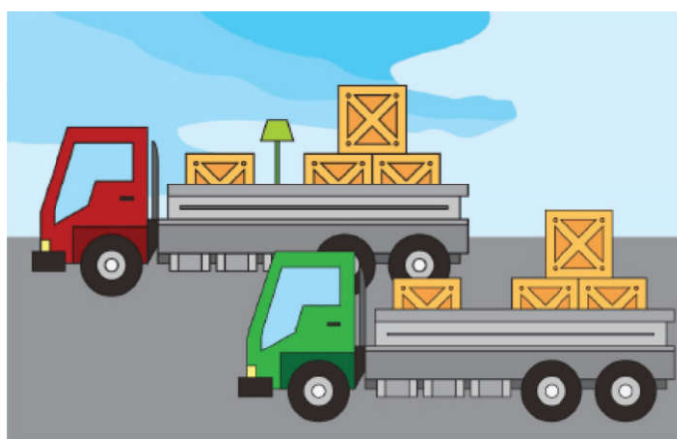
Bài giải:

Con trâu nặng hơn con nghé số ki-lô-gam là: $.?. - .?. = .?.$ (kg)

Đáp số: $.?.$ kg.



8. Xe thứ nhất chở 246 thùng hàng, xe thứ hai chở 300 thùng hàng. Hỏi xe thứ nhất chở ít hơn xe thứ hai bao nhiêu thùng hàng?



9. Ngày thứ nhất đội công nhân làm được 457m đường, ngày thứ hai đội công nhân đó làm được nhiều hơn ngày thứ nhất 125m đường. Hỏi ngày thứ hai đội công nhân đó làm được bao nhiêu mét đường?

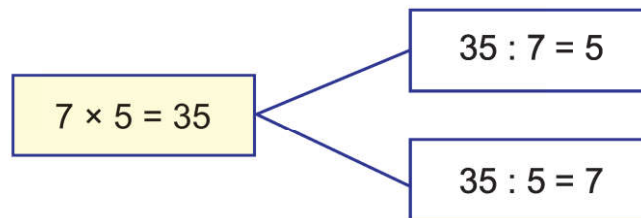


Bài 3

ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA



a) Viết một phép nhân trong các bảng nhân đã học. Từ phép nhân vừa viết, nêu hai phép chia tương ứng. Chẳng hạn:



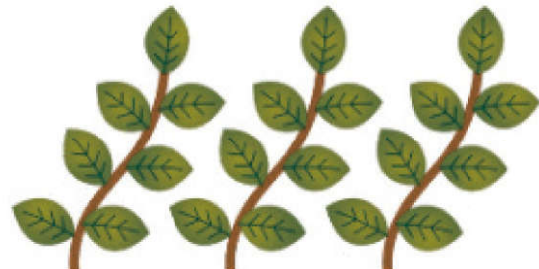
b) Nêu một tình huống thực tế có sử dụng phép nhân hoặc phép chia đã học. Chẳng hạn: Mỗi luống trồng 8 cây, 6 luống có: $8 \times 6 = 48$ (cây rau).



1. Quan sát tranh, viết phép nhân thích hợp



$$\square \times \square = \square$$



$$\square \times \square = \square$$

2. Tính

a) 2×7 3×7 8×5 6×3
 4×9 9×2 5×6 6×4

b) $24 : 3$ $32 : 4$ $16 : 2$ $45 : 5$
 $24 : 4$ $20 : 2$ $25 : 5$ $0 : 3$

3. Tính nhanh

$24 : 6$ $18 : 9$ $10 : 2$ $35 : 7$
 $12 : 4$ $48 : 8$ $36 : 4$ $60 : 6$
 $56 : 7$ $20 : 5$ $45 : 9$ $27 : 3$

4. Số?

Thừa số	7	9	6	3	4	8	5	2
Thừa số	8	10	9	9	10	8	7	4
Tích	56							

5. Số?

Số bị chia	12	30	24	18	16	45	42	36
Số chia	6	6	8	3	4	9	7	6
Thương	2							



6. Đoàn khách tham quan có 30 người, đặt vé tàu thống nhất, biết rằng mỗi khoang tàu có 6 người. Hỏi đoàn khách đó cần đặt mấy khoang?

7. Một thanh gỗ dài 80cm được cưa thành 8 đoạn dài bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



8. Mỗi ca-bin cáp treo chở 6 người. Hỏi 7 ca-bin chở bao nhiêu người?

Bài 4

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG



Chỉ và nói tên mỗi hình, điểm, đoạn, đường sau:

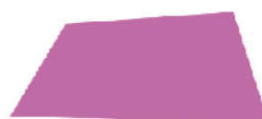
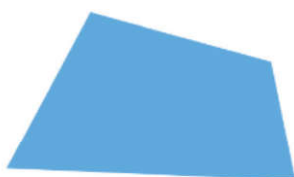
A



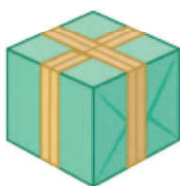
A



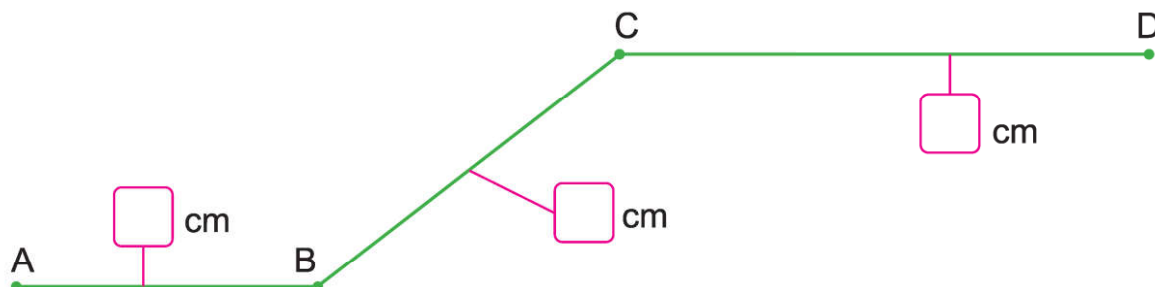
B



1. Xem các hình sau rồi chỉ ra những đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối cầu



2. a) Đo độ dài mỗi đoạn của đường gấp khúc có dạng sau rồi tính độ dài đường gấp khúc đó.

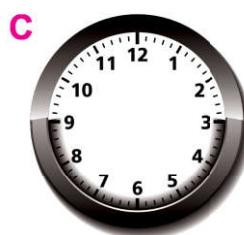


b) Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 1dm.

3. a) Đồng hồ chỉ mấy giờ?

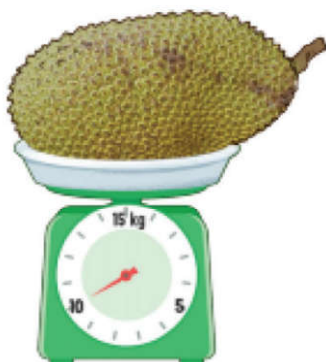


b) Hai đồng hồ nào chỉ cùng thời gian vào buổi chiều hoặc buổi tối



4. Hôm nay là thứ Năm ngày 11, Chủ nhật tuần này là ngày bao nhiêu?
Thứ Năm tuần sau là ngày bao nhiêu?

5. Số?



- Quả mít cân nặng kg.
- Quả dưa hấu cân nặng kg.
- Quả mít nặng hơn quả dưa hấu kg.

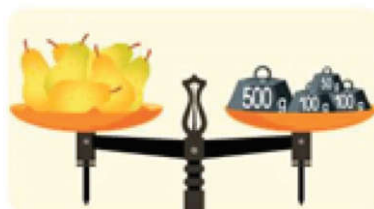


6. Có các can như sau:



- Chị Hòa muốn lấy 2 can để đựng đủ 12l nước mắm. Chị Hòa sẽ lấy hai can nào?
- Chị Hòa muốn lấy 3 can để đựng 18l nước mắm. Anh/chị hãy chọn giúp chị Hòa 3 can đó.

7. Quan sát cân, ghi số thích hợp



8. Hãy chọn đồ vật xếp vào va li để hành lý không vượt quá 7kg

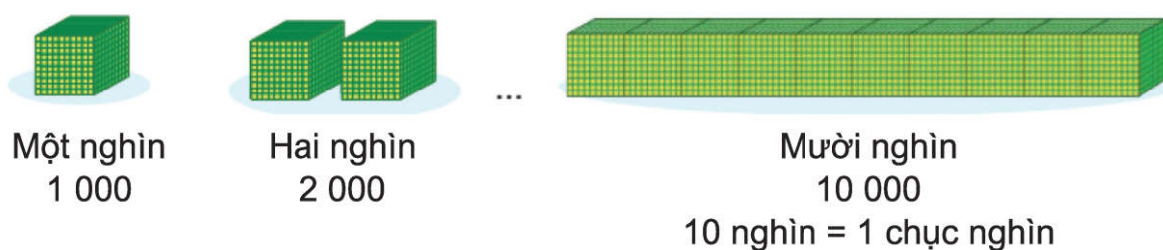
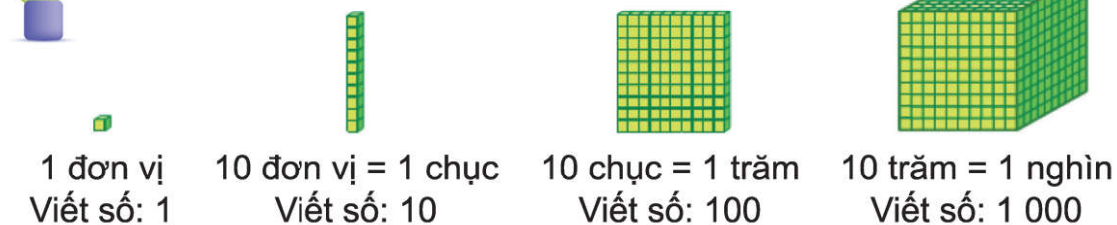
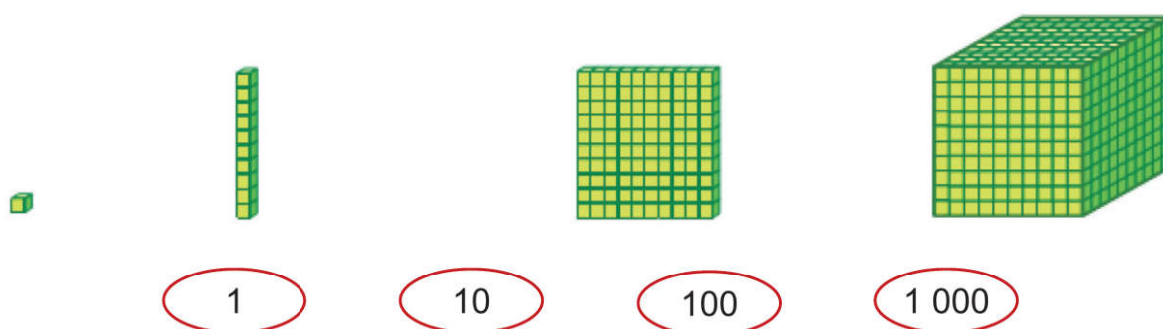


Bài 5

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000



Ghép các thẻ với số khối lập phương thích hợp



Các số 1 000, 2 000, 3 000, ..., 10 000 là các số tròn nghìn.
10 000 còn đọc là một vạn

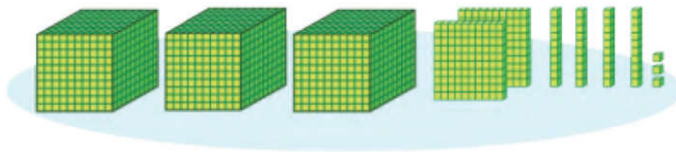


2468
Hai nghìn bốn trăm
sáu mươi tám

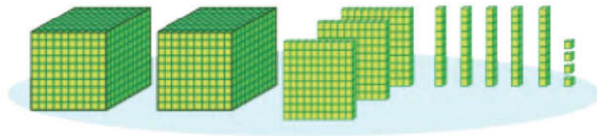


1. Đếm, viết và đọc số khối lập phương

a)



b)

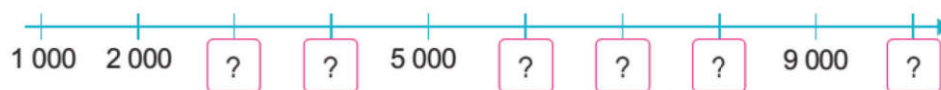


2. Viết (theo mẫu)

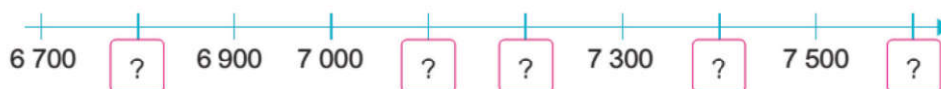
Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
3	1	9	2	3192	Ba nghìn một trăm chín mươi hai
5	6	4	8		
7	9	5	5		
6	4	0	7		
5	0	4	0		
2	3	0	1		

3. Số?

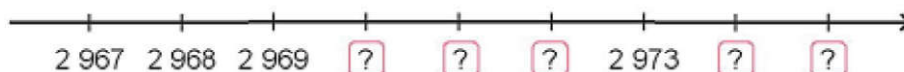
a)



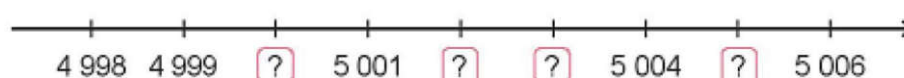
b)



c)



d)



4. a) Viết các số sau:

- Một nghìn hai trăm sáu mươi chín; năm nghìn tám trăm mười ba;
- Chín nghìn bốn trăm bảy mươi lăm; sáu nghìn sáu trăm chín mươi;
- Ba nghìn hai trăm linh sáu.

b) Đọc các số sau:

4 765

6 494

3 120

8 017

5. a) Số?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
2 466	2 467	2 468
	1 000	
	6 889	
	8 804	
	5 000	
	6 999	

b) Viết một số bất kỳ rồi chỉ ra số liền trước, số liền sau của số vừa viết.

6. Nói (theo mẫu)

Mẫu: Số 6 841 gồm 6 nghìn 8 trăm 4 chục 1 đơn vị

Ta viết $6\,841 = 6\,000 + 800 + 40 + 1$.

a) Số 9 874 gồm ... nghìn ... trăm ... chục ... đơn vị.

Ta viết $9\,874 = \dots\dots\dots?$

b) Số 1 025 gồm ... nghìn ... trăm ... chục ... đơn vị.

Ta viết $1\,025 = \dots\dots\dots?$

c) Số 5 505 gồm ... nghìn ... trăm ... chục ... đơn vị.

Ta viết $5\,505 = \dots\dots\dots?$



7. Tuyến đường sắt Bắc - Nam, hay còn gọi là đường sắt Thống Nhất, bắt đầu từ Thủ đô Hà Nội và kết thúc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1881, Pháp đã bắt đầu xây dựng tuyến đường sắt này tại Việt Nam. Ngày 02/10/1936, tuyến đường sắt Bắc - Nam chính thức được khánh thành với tổng chiều dài toàn tuyến là 1730km.



- a) Tuyến đường sắt Bắc - Nam được bắt đầu xây dựng từ năm nào?
- b) Tổng chiều dài tuyến đường sắt Bắc - Nam là bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài 6

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000



Hãy viết 4 số có bốn chữ số.

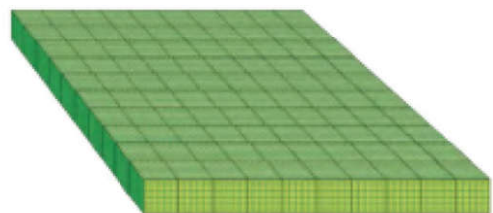
- a) Đọc các số vừa viết. Chẳng hạn: 1 234; 8 097; 6 178; 5 555.
b) Nói cho bạn nghe mỗi số đó gồm mấy nghìn, mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị rồi viết số đó thành tổng, chẳng hạn:

$$1\ 234 = 1\ 000 + 200 + 30 + 4$$



Mười nghìn
10 000

...



Một trăm nghìn
100 000

10 chục nghìn = 1 trăm nghìn

Các số 10 000, 20 000, 30 000, ..., 100 000 là các số tròn mười nghìn.

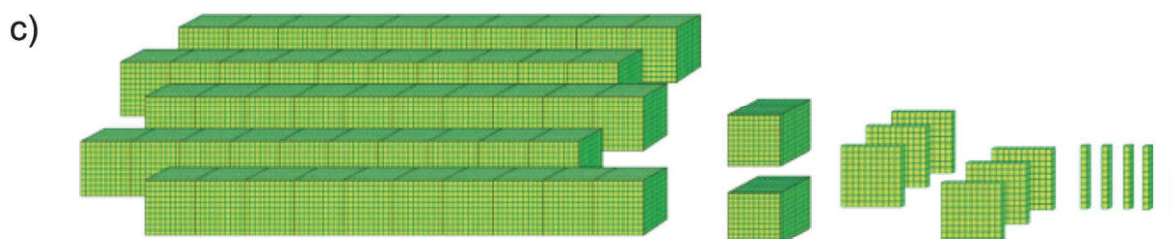
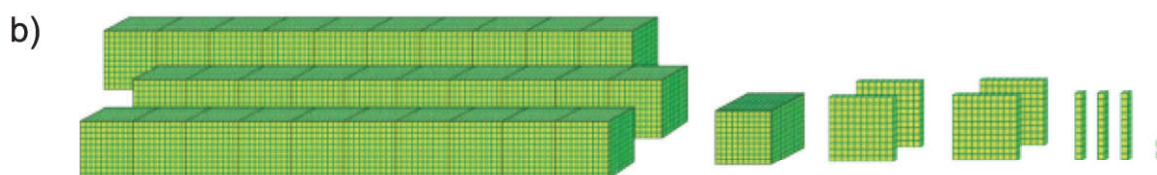
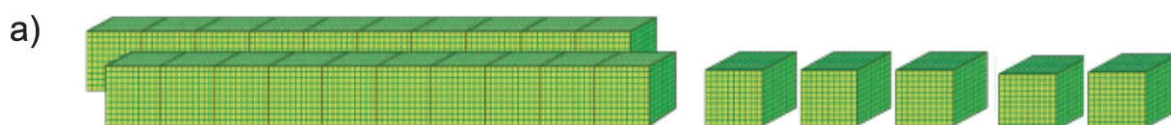


23 153

Hai mươi ba nghìn một trăm năm mươi ba



1. Đếm, viết rồi đọc số khối lập phương



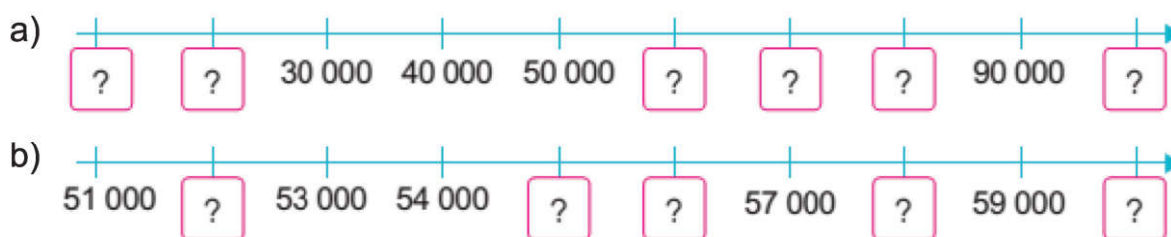
2. Viết và đọc (theo mẫu)

Viết số	Đọc số
82 394	Tám mươi hai nghìn ba trăm chín mươi tư
57 235	
	Bảy mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi một
34 176	
77 420	
	Sáu mươi tám nghìn một trăm ba mươi hai

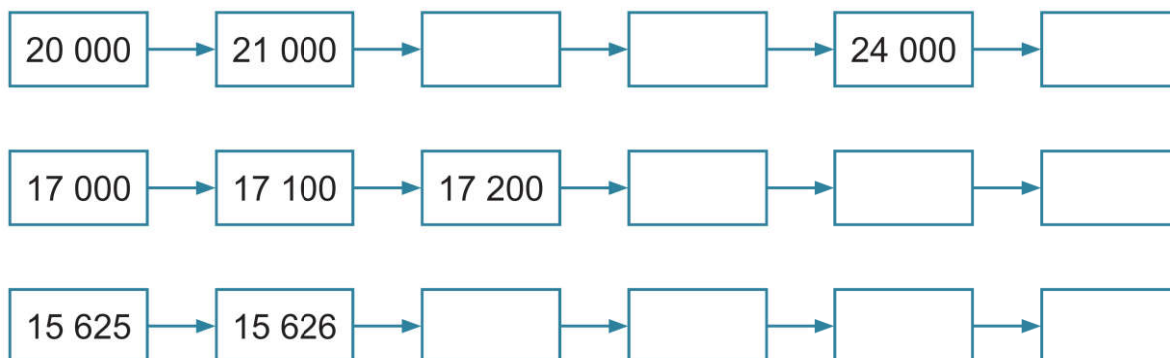
3. Viết (theo mẫu)

Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
6	3	1	9	2	63 192	Sáu mươi ba nghìn một trăm chín mươi hai
2	5	6	4	8		
3	7	9	5	5		
8	6	2	9	7		
9	0	8	0	1		
1	1	0	3	0		

4. Số?



5. Số?



6. a) Số?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	76 672	
	89 409	
	51 120	
	80 199	
	99 999	

b) Viết một số bất kỳ rồi chỉ ra số liền trước, số liền sau của số vừa viết.

7. Nói (theo mẫu)

Mẫu: Số 23 857 gồm 2 chục nghìn 3 nghìn 8 trăm 5 chục 7 đơn vị.

Ta viết $23\,857 = 20\,000 + 3\,000 + 800 + 50 + 7$

a) Số 19 876 gồm ... chục nghìn ... nghìn ... trăm ... chục ... đơn vị.

Ta viết $19\,876 = ?$

b) Số 72 553 gồm ... chục nghìn ... nghìn ... trăm ... chục ... đơn vị.

Ta viết $72\,553 = ?$

c) Số 80 124 gồm ... chục nghìn ... nghìn ... trăm ... chục ... đơn vị.

Ta viết $80\,124 = ?$



8. Đọc thông tin sau và ghi lại những số có nhiều chữ số



9. Hãy tìm hiểu dân số ở địa phương nơi mình sống rồi ghi lại.

Bài 7

SƠ SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000



Dân số hai huyện của một tỉnh lần lượt là 76 200 người và 76 199 người. Huyện nào đông dân hơn nhỉ?



Trong hai số: a) Số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn.
b) Số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn.

Chẳng hạn: số 984 và số 4 275 ta thấy:

Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
	9	8	4
4	2	7	5

- Số 984 có ba chữ số.
 - Số 4 275 có bốn chữ số.
- Vậy $984 < 4\,275$.

Nếu hai số có cùng số chữ số:

Lần lượt so sánh từng cặp chữ số trên cùng một hàng, kể từ trái sang phải, cho đến khi xuất hiện cặp chữ số đầu tiên khác nhau. Số nào chứa chữ số lớn hơn thì số đó lớn hơn.

Chẳng hạn: số 4 275 và số 4 228 ta thấy:

Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
4	2	7	5
4	2	2	8

4 = 4	2 = 2	7 > 2
-------	-------	-------

- Số 4 275 và 4 228 cùng có bốn chữ số.
- Ta so sánh từng cặp chữ số trên cùng một hàng, kể từ trái sang phải. Cặp chữ số đầu tiên khác nhau là $7 > 2$.

Vậy $4\,275 > 4\,228$.



1.



a) $1942 \dots 998$

$199 \dots 2000$

$6742 \dots 6722$

$900 + 9 \dots 9009$

b) $9650 \dots 9651$

$9156 \dots 6951$

$1965 \dots 1956$

$6591 \dots 6591$

2. So sánh (theo mẫu)

Ví dụ 1: So sánh 100 000 và 99 999.

Vì 100 000 có nhiều chữ số hơn nên

$100\,000 > 99\,999$.

$100\,000 > 99\,999$

$99\,999 < 100\,000$

Ví dụ 2: So sánh 76 200 và 76 199.

- Vì hai số này có số chữ số bằng nhau, nên ta so sánh các cặp chữ số cùng hàng kể từ trái qua phải.

- Các cặp chữ số hàng chục nghìn, hàng nghìn như nhau.

- Ở hàng trăm có $2 > 1$.

Vậy: $76\,200 > 76\,199$.

$76\,200 > 76\,199$

$76\,199 < 76\,200$

Áp dụng đối với các cặp số sau:

$89\,156 \dots 98\,516$

$69\,731 \dots 69\,713$

$79\,650 \dots 79\,650$

$67\,628 \dots 67\,728$

$89\,999 \dots 90\,000$

$78\,659 \dots 76\,860$

3. Tìm số lớn nhất, số bé nhất trong các số dưới đây



4. Số?

a)	13 500	23 500	?	?	53 500	?
b)	2 607	3 607	?	?	6 607	?
c)	5 480	?	5 680	?	5 880	?
d)	7 929	7 939	?	?	?	7 979



5. Bảng dưới đây cho biết độ cao của một số đỉnh núi ở Việt Nam, hãy chỉ ra đỉnh núi nào cao nhất, đỉnh núi nào thấp nhất. Viết tên các đỉnh núi theo thứ tự giảm dần về độ cao.

Tên	Độ cao
Phan Xi Păng	3143m
Bạch Mã	1444m
Tam Đảo	1590m
Tây Côn Lĩnh	2419m

6. Quan sát công tơ mét của 3 xe máy.



A



B



C

a) Xe máy nào đi được nhiều nhất?

b) Xe máy nào đi được ít nhất?

c) Sắp xếp các xe máy theo thứ tự đi ít nhất đến nhiều nhất.

Bài 8

LÀM TRÒN SỐ



Khoảng cách từ Thủ đô Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh dài khoảng bao nhiêu ki-lô-mét?



1. Làm tròn số đến hàng chục

Khi làm tròn số đến hàng chục, ta so sánh chữ số hàng đơn vị với 5. Nếu chữ số hàng đơn vị bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Chẳng hạn:

$$\begin{array}{lcl} 1\,726 & \xrightarrow[\text{làm tròn lên}]{\text{vì } 6 > 5} & 1\,730 \\ 1\,725 & \xrightarrow[\text{làm tròn lên}]{\text{vì } 5 = 5} & 1\,730 \\ 1\,723 & \xrightarrow[\text{làm tròn xuống}]{\text{vì } 3 < 5} & 1\,720 \end{array}$$

2. Làm tròn số đến hàng trăm

Khi làm tròn số đến hàng trăm, ta so sánh chữ số hàng chục với 5. Nếu chữ số hàng chục bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Chẳng hạn:

$$\begin{array}{lcl} 1\,786 & \xrightarrow[\text{làm tròn lên}]{\text{vì } 8 > 5} & 1\,800 \\ 1\,756 & \xrightarrow[\text{làm tròn lên}]{\text{vì } 5 = 5} & 1\,800 \\ 1\,726 & \xrightarrow[\text{làm tròn xuống}]{\text{vì } 2 < 5} & 1\,700 \end{array}$$

3. Làm tròn số đến hàng nghìn

Khi làm tròn số đến hàng nghìn, ta so sánh chữ số hàng trăm với 5. Nếu chữ số hàng trăm bé hơn 5 thì ta làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Chẳng hạn:

$$\begin{array}{lcl} 12\,768 & \xrightarrow[\text{làm tròn lên}]{\text{vì } 7 > 5} & 13\,000 \\ 13\,476 & \xrightarrow[\text{làm tròn xuống}]{\text{vì } 4 < 5} & 13\,000 \\ 14\,532 & \xrightarrow[\text{làm tròn lên}]{\text{vì } 5 = 5} & 15\,000 \end{array}$$

4. Làm tròn số đến hàng chục nghìn

Khi làm tròn số đến hàng chục nghìn, ta so sánh chữ số hàng nghìn với 5. Nếu chữ số hàng nghìn bé hơn 5 thì ta làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Chẳng hạn:

$$\begin{array}{lcl} 11\,678 & \xrightarrow[\text{làm tròn xuống}]{\text{vì } 1 < 5} & 10\,000 \\ 17\,051 & \xrightarrow[\text{làm tròn lên}]{\text{vì } 7 > 5} & 20\,000 \\ 15\,001 & \xrightarrow[\text{làm tròn lên}]{\text{vì } 5 = 5} & 20\,000 \end{array}$$



- 1.** Làm tròn các số 2 678, 4 041, 5 764 đến hàng chục, hàng trăm.
- 2.** Làm tròn các số 56 673, 41 481, 55 264 đến hàng nghìn.
- 3.** Làm tròn các số 83 673, 55 481, 46 264 đến hàng chục nghìn.
- 4.** Chọn chữ đặt trước câu trả lời đúng:
 - a) Làm tròn số 5 490 đến hàng nghìn ta được:
A. 5 000 B. 5 400 C. 5 500 D. 6 000
 - b) Làm tròn số 9 628 đến hàng trăm ta được:
A. 9 000 B. 9 700 C. 9 500 D. 9 600
- 5.** Làm tròn số 12 345 đến tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn mười nghìn?



- 6.** Gia đình anh A Páo thu hoạch được 13 683kg ngô. Hỏi nếu làm tròn đến hàng nghìn, ta nói gia đình anh A Páo thu hoạch được khoảng bao nhiêu ki-lô-gam ngô?
- 7.** Quãng đường từ Hà Nội hay Thành phố Hồ Chí Minh đến một số tỉnh như trong bảng dưới đây:

Quãng đường	Chiều dài
Hà Nội - Lào Cai	286km
Hà Nội - Lạng Sơn	154km
Hà Nội - Hà Nam	63km
Thành phố Hồ Chí Minh - Long An	47km
Thành phố Hồ Chí Minh - An Giang	244km
Thành phố Hồ Chí Minh - Kiên Giang	248km

- a) Làm tròn đến hàng chục chiều dài từ Hà Nội đến Lào Cai, Lạng Sơn, Hà Nam?
- b) Làm tròn đến hàng chục chiều dài từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Long An, An Giang, Kiên Giang?

8. Bảng độ cao một số đỉnh núi tại Việt Nam.

Hạng	Tên	Độ cao tuyệt đối (mét)
1	Phan Xi Păng	3143
2	Pu Si Lung	3083
3	Pu Ta Leng	3049
4	Tà Chì Nhù	2979
5	Lùng Cúng	2913
6	Tà Xùa	2865

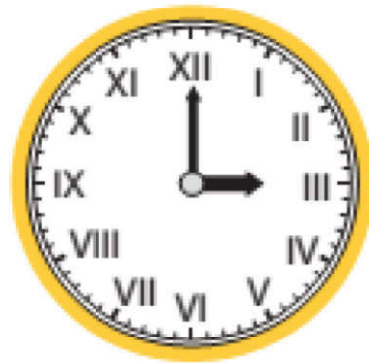
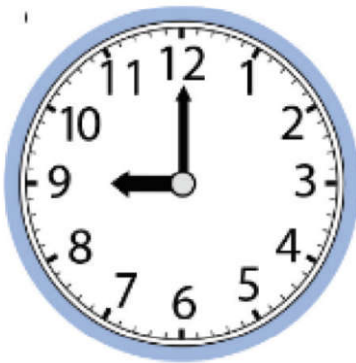
Làm tròn đến hàng chục độ cao các đỉnh núi trên.

Bài 9

LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ



Quan sát số ghi các giờ trong hình ảnh hai đồng hồ



- Một số chữ số La Mã thường dùng:

I: một V: năm X: mười

- Các số La Mã từ 1 đến 20:

I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
XI	XII	XIII	XIV	XV	XVI	XVII	XVIII	XIX	XX
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20



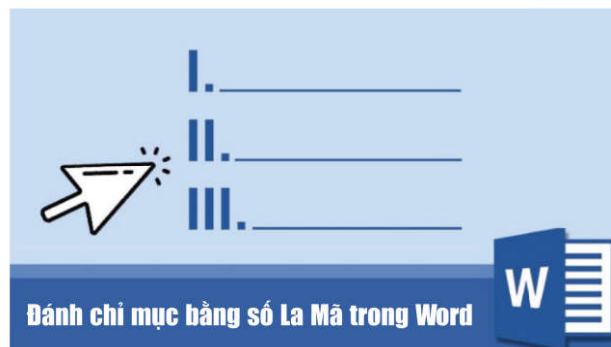
b) Viết các số sau bằng chữ số La Mã: 3, 5, 12, 19.

3. Dùng các que tính hay đồ vật xếp các số La Mã từ 1 đến 20. Chẳng hạn:





5. Chị Hương đánh chỉ mục bằng chữ số La Mã trong Word. Bạn hãy hỗ trợ chị Hương đánh tiếp tới số thứ tự 20?



6. Theo anh/chị chiếc bình bị vỡ ghi số nào?



Bài 10

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 100 000



Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

Đặt tính và tính: $719 + 234$

Hãy nêu các bước vừa thực hiện.



Tính $24\,465 + 18\,252 = ?$

$$\begin{array}{r} 24\,465 \\ + 18\,252 \\ \hline 42\,717 \end{array}$$

- 5 cộng 2 bằng 7, viết 7.
- 6 cộng 5 bằng 11, viết 1, nhớ 1.
- 4 cộng 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 4 cộng 8 bằng 12, viết 2, nhớ 1.
- 2 cộng 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.

Vậy $24\,465 + 18\,252 = 42\,717$



1. Tính

$$\begin{array}{r} 6\,428 \\ + 3\,481 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2\,576 \\ + 4\,518 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6\,307 \\ + 826 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 837 \\ + 524 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67\,294 \\ + 25\,431 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 93\,246 \\ + 4\,825 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 86\,362 \\ + 918 \\ \hline \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính

a) $5\,634 + 4\,827$

b) $6\,437 + 648$

c) $5\,129 + 69$

d) $28\,368 + 42\,561$

e) $46\,459 + 615$

g) $57\,128 + 91$

3. Tính nhẩm (theo mẫu)

Mẫu: $4\,000 + 3\,000 = ?$

Nhẩm: 4 nghìn + 3 nghìn = 7 nghìn

Vậy $4\,000 + 3\,000 = 7\,000$

$5\,000 + 3\,000$

$4\,000 + 70\,000$

$7\,000 + 9\,000$

$62\,000 + 38\,000$

4. Chọn kết quả thích hợp với mỗi phép tính

$1000 + 5000 + 2000$



$3000 + 2000 + 2000$



$700 + 700 + 4000$

$3000 + 800 + 500$

5. Chọn chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Phép tính $31\,463 + 2\,407$ có kết quả là:

A. 33 860

B. 33 870

C. 3 870

D. 55 533

b) Phép tính $24\,415 + 33\,657$ có kết quả là:

A. 58 072

B. 57 072

C. 58 062

D. 57 062



6. Vụ mùa năm nay, bác Hòa thu hoạch được 6 530kg thóc, bác Bình thu hoạch được nhiều hơn bác Hòa 550kg thóc. Hỏi vụ mùa năm nay, bác Bình thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?



7. Vụ cá năm nay, ông Luyện thả xuống hồ 10 456 con cá trắm cỏ và 935 con cá chép. Hỏi ông Luyện đã thả xuống hồ bao nhiêu con cá?



8. Trong một trận bóng đá, số khán giả ở khán đài A là 4 625 người. Số khán giả ở khán đài B nhiều hơn số khán giả ở khán đài A là 438 người. Hỏi số khán giả ở khán đài B là bao nhiêu người?

9. Quan sát sơ đồ, chỉ giúp chị Hoa đường ngắn nhất đi từ nhà tới trạm xăng và từ nhà tới bảo tàng.



Bài 11

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100 000



Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

Đặt tính và tính: $719 - 234$

$367 - 28$

$176 - 8$

Nêu các bước vừa thực hiện.



Tính $25\,285 - 11\,436 = ?$

$$\begin{array}{r} 25\,285 \\ - 11\,436 \\ \hline 13\,849 \end{array}$$

Vậy $25\,285 - 11\,436 = 13\,849$

- 5 không trừ được 6, lấy 15 trừ 6 bằng 9, viết 9, nhớ 1.
- 3 thêm 1 bằng 4, 8 trừ 4 bằng 4, viết 4.
- 2 không trừ được 4, lấy 12 trừ 4 bằng 8, viết 8, nhớ 1.
- 1 thêm 1 bằng 2, 5 trừ 2 bằng 3, viết 3.
- 2 trừ 1 bằng 1, viết 1.



1. Tính

$$\begin{array}{r} 84\,758 \\ - 43\,265 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 79\,363 \\ - 5\,819 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 34\,635 \\ - 927 \\ \hline \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính

$$97\,358 - 89\,263$$

$$75\,046 - 32\,638$$

$$56\,492 - 56$$

$$16\,519 - 8\,245$$

3. Tính nhẩm (theo mẫu)

Mẫu: $10\ 000 - 6\ 000 = ?$

Nhẩm: $10\ \text{nghìn} - 6\ \text{nghìn} = 4\ \text{nghìn}$

Vậy $10\ 000 - 6\ 000 = 4\ 000$

$7\ 000 - 3\ 000$

$10\ 000 - 8\ 000$

$72\ 000 - 42\ 000$

$100\ 000 - 35\ 000$

4. Đọc giá tiền của mỗi mặt hàng sau



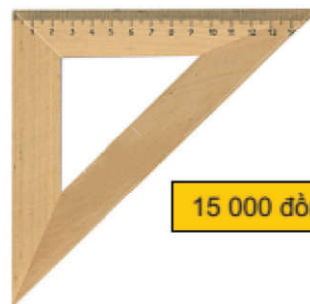
100 000 đồng



42 000 đồng



36 000 đồng



15 000 đồng

Trả lời câu hỏi:

- Trong các đồ vật trên, đồ vật nào có giá cao nhất; đồ vật nào có giá thấp nhất?
- Mua quyển truyện và con lợn tiết kiệm hết bao nhiêu tiền?
- Quyển truyện đắt hơn cái ê ke bao nhiêu tiền?



5. Trong ba tháng đầu năm, một nhà máy sản xuất đồ chơi đã sản xuất được 24 500 xe ô tô. Tháng 1 nhà máy bán đi 10 600 xe ô tô, tháng 2 nhà máy bán đi 9 500 xe ô tô. Hỏi nhà máy còn lại bao nhiêu xe ô tô đồ chơi?

6. Một cửa hàng có 16 500/ xăng, cửa hàng nhập thêm về 9 000/ xăng. Hỏi sau khi bán đi 17 350/ xăng, cửa hàng đó còn lại bao nhiêu lít xăng?

7. Một trung tâm y tế dự phòng đã nhập về 35 800 liều vắc-xin. Đợt thứ nhất dùng hết 16 400 liều vắc-xin, đợt thứ hai dùng hết 17 340 liều vắc-xin. Hỏi sau hai đợt sử dụng, trung tâm y tế đó còn lại bao nhiêu liều vắc-xin ?

8. Quan sát hình vẽ, trả lời các câu hỏi:



29 000 đồng/kg



49 000 đồng/kg

a) Số tiền mua 1kg nho xanh nhiều hơn số tiền mua 1kg thanh long ruột đỏ là bao nhiêu?

b) Mua 1kg nho xanh và 1kg thanh long ruột đỏ phải trả bao nhiêu tiền? Nếu đưa cho người bán hàng tờ tiền 100 000 đồng thì người bán hàng cần trả lại bao nhiêu tiền?

Bài 12

NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (Không nhớ)



Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

a) Sử dụng bảng nhân để tìm nhanh kết quả của các phép tính sau:

×	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
3	3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
4	4	8	12	16	20	24	28	32	36	40
5	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
6	6	12	18	24	30	36	42	48	54	60
7	7	14	21	28	35	42	49	56	63	70
8	8	16	24	32	40	48	56	64	72	80
9	9	18	27	36	45	54	63	72	81	90
10	10	20	30	40	50	60	70	80	90	100

4×4

2×8

8×10

7×3

5×2

6×6

3×9

9×5

9×1

1×7

b) Nêu một phép nhân bất kỳ, tìm nhanh kết quả của phép nhân đó



Tính $12 \times 3 = ?$

Đặt tính

$$\begin{array}{r} 12 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

Tính:

$$\begin{array}{r} 12 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

36

• 3 nhân 2 bằng 6, viết 6.

• 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.

Vậy $12 \times 3 = 36$



1. Tính

a)
$$\begin{array}{r} \times 23 \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 34 \\ \hline 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 42 \\ \hline 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 11 \\ \hline 5 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} \times 133 \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 241 \\ \hline 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 321 \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 101 \\ \hline 7 \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} \times 2\,313 \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 1\,234 \\ \hline 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 42\,122 \\ \hline 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 12\,121 \\ \hline 4 \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính

43×2

31×3

22×3

24×2

12×4

23×2

3. Tính nhẩm (theo mẫu)

a)

Mẫu: $20 \times 3 = ?$
Nhẩm: 2 chục $\times 3 = 6$ chục
Vậy $20 \times 3 = 60$

10×8

20×4

30×3

40×2

b)

Mẫu: $300 \times 2 = ?$
Nhẩm: 3 trăm $\times 2 = 6$ trăm
Vậy $300 \times 2 = 600$

200×4

300×3

100×8

400×2

c)

$12\,000 \times 4 = ?$
Nhẩm: 12 nghìn $\times 4 = 48$ nghìn
Vậy $12\,000 \times 4 = 48\,000$

$6\,000 \times 5$

$21\,000 \times 3$

$9\,000 \times 8$

$12\,000 \times 4$



- 4.** Phòng họp có 8 hàng ghế, mỗi hàng có 11 chiếc ghế. Hỏi phòng họp đó có tất cả bao nhiêu chiếc ghế?
- 5.** Mỗi hũ đựng 200ml mật ong. Hỏi 4 hũ như vậy đựng tất cả bao nhiêu mi-li-lít mật ong?
- 6.** Bác Sáu có 3 tàu đánh cá, bác cần 3 100l dầu cho mỗi tàu. Hỏi bác Sáu cần tất cả bao nhiêu lít dầu cho 3 tàu đánh cá đó?

Bài 13

NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (Có nhớ)



Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

Đặt tính và tính: 12×3
 123×3
 2122×4

Nêu các bước vừa thực hiện.



Tính $1\,325 \times 3 = ?$

Đặt tính và tính:

$$\begin{array}{r} 1\,325 \\ \times \quad 3 \\ \hline 3\,975 \end{array}$$

- 3 nhân 5 bằng 15, viết 5, nhớ 1.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 3 nhân 3 bằng 9, viết 9.
- 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.

Vậy $1\,325 \times 3 = 3\,975$



1. Tính

a)

$$\begin{array}{r} \times 37 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 16 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 29 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 18 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} \times 312 \\ \times \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 203 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 427 \\ \times \quad 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 131 \\ \times \quad 5 \\ \hline \end{array}$$

2. Đặt tính rồi tính

- a)
- | | | | |
|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 15×6 | 12×8 | 26×2 | 17×3 |
| 16×2 | 33×4 | 13×4 | 19×5 |
- b)
- | | | | |
|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 243×2 | 162×4 | 250×3 | 108×5 |
|----------------|----------------|----------------|----------------|
- c)
- | | | |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| $1\,213 \times 7$ | $2\,180 \times 3$ | $1\,916 \times 4$ |
| $1\,103 \times 3$ | $1\,021 \times 9$ | $2\,041 \times 4$ |
- d)
- | | | | |
|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| $30\,829 \times 3$ | $21\,719 \times 4$ | $10\,315 \times 5$ | $15\,160 \times 6$ |
|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|

3. Tính nhẩm (theo mẫu)

$12000 \times 3 = ?$ Nhẩm : $12\text{ nghìn} \times 3 = 36\text{ nghìn}$ Vậy : $12000 \times 3 = 36000$	$11000 \times 3 =$ $13000 \times 2 =$	$15000 \times 2 =$ $25000 \times 2 =$
---	--	--

4. Tính nhẩm

$8\,000 \times 6$ $7 \times 9\,000$	$14\,000 \times 4$ $3 \times 29\,000$	$27\,000 \times 3$ $46\,000 \times 2$
--	--	--



5. Một gói bánh giá 13 500 đồng. Một người mua 2 gói bánh. Hỏi người đó phải trả bao nhiêu tiền?

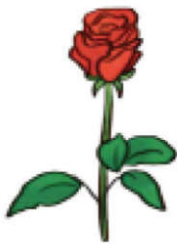
6. Ngày thứ nhất anh Quang phơi ở sân được 2130kg thóc. Ngày thứ hai anh Quang phơi được số thóc gấp 4 lần ngày thứ nhất. Số thóc anh Quang đã phơi ngày thứ hai là bao nhiêu ki-lô-gam?

7. Một kho chứa 63 150l dầu. Người ta đã lấy dầu ra khỏi kho 3 lần, mỗi lần lấy 10 715l dầu. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu lít dầu?

8. Quan sát hình vẽ:



Hoa ly
15 000 đồng



Hoa hồng
4 500 đồng



Hoa đồng tiền
5 300 đồng



Hoa phăng
6 000 đồng

a) Trả lời các câu hỏi:

- Mua 6 bông hoa hồng phải trả bao nhiêu tiền?
- Mua 4 bông hoa ly và 5 bông hoa phăng phải trả bao nhiêu tiền?

b) Chọn số bông hoa bạn muốn mua rồi tính số tiền phải trả.

Bài 14

PHÉP CHIA HẾT, PHÉP CHIA CÓ DƯ



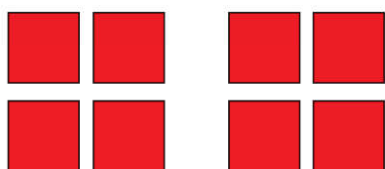
Hãy nói cách chia thích hợp:

- a) Có 8 chiếc bánh, chia đều cho 2 người. Mỗi người được mấy chiếc bánh, còn thừa mấy chiếc bánh?
- b) Có 9 chiếc bánh chia đều cho 2 người. Mỗi người được mấy chiếc bánh, còn thừa mấy chiếc bánh?



1. Phép chia hết

Có 8 hình vuông, chia đều cho 2 bạn, mỗi bạn được 4 hình vuông. Ta có phép chia $8 : 2 = 4$.



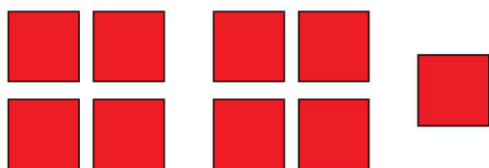
Mỗi bạn được 4 hình vuông,
không còn dư hình vuông nào

Ta nói: Phép chia $8 : 2$ có thương là 4, số dư là 0.

Đây là phép chia hết. Ta viết $8 : 2 = 4$.

2. Phép chia có dư

Có 9 hình vuông, chia đều cho 2 bạn, mỗi bạn được 4 hình vuông, còn dư 1 hình vuông.



Mỗi bạn được 4 hình vuông,
còn dư 1 hình vuông

Ta nói: Phép chia $9 : 2$ có thương là 4, số dư là 1.

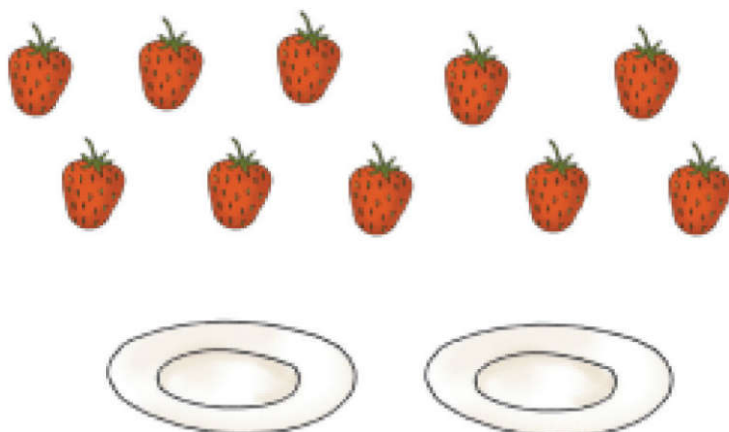
Đây là phép chia có dư. Ta viết $9 : 2 = 4$ (dư 1).

Đọc là: Chín chia hai bằng bốn, dư một.



1. Viết phép chia thích hợp

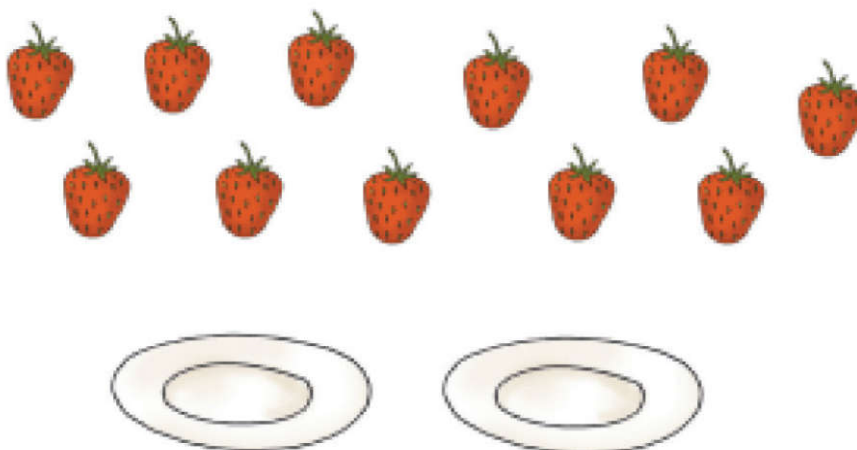
a)



Có 10 quả dâu tây, chia đều vào 2 đĩa, mỗi đĩa được .?. quả dâu tây.

Ta có phép chia: $10 : 2 = .?$.

b)



Có 11 quả dâu tây, chia đều vào 2 đĩa, mỗi đĩa được .?. quả dâu tây. Thừa .?. quả dâu tây.

Ta có phép chia: $11 : 2 = .?.$ (dư .?.)

2. Số?

a) $13 : 2 = \square$ (dư \square)

Thương là: \square

Số dư là: \square

b) $17 : 3 = \square$ (dư \square)

Thương là: \square

Số dư là: \square

c) $21 : 5 = \square$ (dư \square)

Thương là: \square

Số dư là: \square

d) $7 : 2 = \square$ (dư \square)

Thương là: \square

Số dư là: \square

3. Sử dụng bảng chia để tìm thương và số dư trong các phép chia sau:

$0 : 3 = \dots$

$1 : 3 = \dots$ (dư ...)

$2 : 3 = \dots$ (dư ...)

$3 : 3 = \dots$

$4 : 3 = \dots$ (dư ...)

$5 : 3 = \dots$ (dư ...)

$6 : 3 = \dots$

$7 : 3 = \dots$ (dư ...)

$8 : 3 = \dots$ (dư ...)

$9 : 3 = \dots$

$10 : 3 = \dots$ (dư ...)

$11 : 3 = \dots$ (dư ...)

$12 : 3 = \dots$

$13 : 3 = \dots$ (dư ...)

$14 : 3 = \dots$ (dư ...)

$15 : 3 = \dots$

$16 : 3 = \dots$ (dư ...)

$17 : 3 = \dots$ (dư ...)

$18 : 3 = \dots$



4. Chị Ánh xếp 25 chiếc cốc vào các hộp, mỗi hộp có 6 chiếc cốc. Hỏi chị Ánh xếp được mấy hộp và thừa mấy chiếc cốc?



Phép tính: .?.

Trả lời:

Chị Ánh xếp được .?. hộp, thừa .?. chiếc cốc.

5. Có 14 người khách cần sang sông, mỗi chuyến thuyền chở được nhiều nhất 4 người khách (không kể người chèo thuyền). Hỏi cần ít nhất mấy chuyến để thuyền chở hết số khách đó?

6. Anh Ninh nuôi 23 con thỏ trong các chuồng, mỗi chuồng chỉ nuôi được 4 con thỏ. Vậy anh Ninh cần ít nhất mấy cái chuồng để nuôi hết số thỏ đó?



Bài 15

CHIA SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ



Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

a) Sử dụng bảng chia để tìm nhanh kết quả của các phép chia sau:

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
3	3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
4	4	8	12	16	20	24	28	32	36	40
5	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
6	6	12	18	24	30	36	42	48	54	60
7	7	14	21	28	35	42	49	56	63	70
8	8	16	24	32	40	48	56	64	72	80
9	9	18	27	36	45	54	63	72	81	90
10	10	20	30	40	50	60	70	80	90	100

$21 : 7$

$28 : 4$

$40 : 8$

$72 : 9$

$36 : 9$

$30 : 6$

$24 : 6$

$14 : 7$

$45 : 5$

$27 : 3$

$32 : 4$

b) Nêu một phép chia bất kỳ, tìm nhanh kết quả của phép chia đó



Tính $26 : 2 = ?$

• Đặt tính

$$\begin{array}{r} 26 \overline{) 2} \\ \hline \end{array}$$

• Tính:

$$\begin{array}{r} 26 \overline{) 2} \\ \underline{2} \\ 06 \\ \underline{6} \\ 0 \end{array}$$

• 2 chia 2 được 1, viết 1.
1 nhân 2 bằng 2,
2 trừ 2 bằng 0.

• Hạ 6,
6 chia 2 được 3, viết 3.
3 nhân 2 bằng 6,
6 trừ 6 bằng 0.

Vậy $26 : 2 = 13$



1. Tính

a) $28 \overline{) 2}$

$93 \overline{) 3}$

$88 \overline{) 4}$

$66 \overline{) 6}$

b) $246 \overline{) 2}$

$624 \overline{) 2}$

$448 \overline{) 4}$

$999 \overline{) 9}$

c) $4\ 862 \overline{) 2}$

$9\ 639 \overline{) 3}$

$48\ 488 \overline{) 4}$

$55\ 555 \overline{) 5}$

2. Đặt tính rồi tính

a) $399 : 3$

$884 : 2$

$484 : 4$

$666 : 6$

b) $2\ 468 : 2$

$3\ 399 : 3$

$48\ 488 : 4$

$82\ 868 : 2$

3. Tính nhẩm (theo mẫu)

a)

Mẫu: $60 : 3 = ?$

Nhẩm: 6 chục : 3 = 2 chục

Vậy $60 : 3 = 20$

$60 : 2$

$70 : 7$

$40 : 2$

$90 : 3$

b)

Mẫu: $600 : 3 = ?$

Nhẩm: 6 trăm : 3 = 2 trăm

Vậy $600 : 3 = 200$

$800 : 4$

$500 : 5$

$400 : 2$

$900 : 3$



- 4.** Bác Sáng thu hoạch được 90 quả bí ngô, bác chia đều vào 3 chuyến xe để chở hết số quả bí ngô về nhà. Hỏi mỗi chuyến xe chở bao nhiêu quả bí ngô?
- 5.** Có 84 quả cà chua xếp đều vào 4 rổ. Hỏi mỗi rổ có bao nhiêu quả cà chua?
- 6.** Anh Hải chia đều 800g cá cơm thành 2 phần bằng nhau. Hỏi mỗi phần có bao nhiêu gam cá cơm?
- 7.** Một nhà máy bóng đèn sản xuất thử nghiệm một loại đèn tiết kiệm năng lượng mới. Lô đầu tiên nhà máy sản xuất 666 chiếc bóng đèn và đóng vào các hộp, mỗi hộp 6 chiếc. Hỏi cần bao nhiêu hộp để đóng hết số bóng đèn đó?

Bài 16

CHIA SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (tiếp theo)



	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
3	3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
4	4	8	12	16	20	24	28	32	36	40
5	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
6	6	12	18	24	30	36	42	48	54	60
7	7	14	21	28	35	42	49	56	63	70
8	8	16	24	32	40	48	56	64	72	80
9	9	18	27	36	45	54	63	72	81	90
10	10	20	30	40	50	60	70	80	90	100

Sử dụng bảng để dàng tìm được kết quả của phép nhân/chia một số có hai chữ số.

Chẳng hạn: $7 \times 8 = 56$

hay: $56 : 8 = 7$

Ngoài số có hai chữ số trong bảng, các số có hai chữ số còn lại chia cho một số thì cho kết quả như thế nào?

Ví dụ: $64 : 3 = ?$.

$65 : 3 = ?$.



1. Tính $64 : 3 = ?$

$$\begin{array}{r} 64 \quad 3 \\ 6 \downarrow \quad 21 \\ \hline 04 \\ 3 \\ \hline 1 \end{array}$$

$$64 : 3 = ?$$

- 6 chia 3 được 2, viết 2.
2 nhân 3 bằng 6; 6 trừ 6 bằng 0.
- Hạ 4, 4 chia 3 được 1, viết 1.
1 nhân 3 bằng 3; 4 trừ 3 bằng 1.

$$64 : 3 = 21 \text{ (dư 1)}$$

2. Tính $72 : 3 = ?$

$$72 : 3 = ?$$

$$\begin{array}{r} 72 \overline{) 3} \\ 6 \downarrow \overline{) 24} \\ 12 \\ 12 \\ \hline 0 \end{array}$$

- 7 chia 3 được 2, viết 2.
2 nhân 3 bằng 6; 7 trừ 6 bằng 1.
- Hạ 2, được 12, 12 chia 3 được 4, viết 4.
4 nhân 3 bằng 12; 12 trừ 12 bằng 0.

$$72 : 3 = 24$$



1. Tính (theo mẫu)

a)

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 87 \overline{) 4} \\ 8 \downarrow \overline{) 21} \\ 07 \\ 4 \\ \hline 3 \end{array}$$

Vậy $87 : 4 = 21$ (dư 3)

$$65 \overline{) 3}$$

$$49 \overline{) 2}$$

$$58 \overline{) 5}$$

b)

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 938 \overline{) 3} \\ 9 \downarrow \overline{) 312} \\ 03 \\ 3 \downarrow \overline{) 08} \\ 06 \\ \hline 2 \end{array}$$

Vậy $938 : 3 = 312$ (dư 2)

$$463 \overline{) 2}$$

$$695 \overline{) 3}$$

$$846 \overline{) 4}$$

2. Tính

a) $57 \overline{) 3}$ $84 \overline{) 6}$ $91 \overline{) 7}$ $86 \overline{) 6}$ $92 \overline{) 7}$

b) $77 \overline{) 2}$ $87 \overline{) 3}$ $99 \overline{) 4}$ $86 \overline{) 7}$ $78 \overline{) 6}$

3. Tính

$348 \overline{) 2}$ $728 \overline{) 4}$ $847 \overline{) 7}$

$896 \overline{) 8}$ $651 \overline{) 3}$ $846 \overline{) 6}$

4. Tính

$8\,612 \overline{) 4}$ $7\,854 \overline{) 7}$ $9\,848 \overline{) 8}$

$4\,851 \overline{) 3}$ $36\,542 \overline{) 2}$ $69\,684 \overline{) 6}$

5. Đặt tính rồi tính

a) $955 : 5$

$348 : 3$

$764 : 4$

b) $5\,428 : 2$

$6\,729 : 3$

$4\,856 : 4$

c) $32\,457 : 2$

$52\,645 : 4$

$84\,674 : 6$

6. Đặt tính rồi tính

a) $8\,867 : 4$

$3\,518 : 3$

b) $8\,479 : 7$

$6\,592 : 5$

c) $36\,425 : 2$

$89\,689 : 8$

7. Số?

Số bị chia	Số chia	Thương	Số dư
7 594	3	?	?
8 498	7	?	?
56 472	4	?	?
60 859	5	?	?

8. Thực hiện các phép chia sau rồi dùng phép nhân để thử lại

$$79\,184 : 7$$

$$57\,647 : 3$$

9. Tính nhẩm (theo mẫu)

$$12\,000 : 4 = ?$$

Nhẩm: 12 nghìn : 4 = 3 nghìn

Vậy $12\,000 : 4 = 3\,000$

$$8\,000 : 2$$

$$40\,000 : 5$$

$$36\,000 : 9$$

$$42\,000 : 7$$

$$80\,000 : 2$$

$$100\,000 : 5$$

$$54\,000 : 9$$

$$32\,000 : 8$$



10. Một nhà máy sản xuất được 426 chiếc ô tô đồ chơi trong 3 ngày. Hỏi mỗi ngày nhà máy đó sản xuất được bao nhiêu chiếc ô tô đồ chơi? Biết mỗi ngày nhà máy sản xuất được số chiếc ô tô đồ chơi bằng nhau.

11. Có 3 455m vải, may mỗi bộ đồng phục hết 2m. Hỏi có thể may được nhiều nhất bao nhiêu bộ đồng phục và còn thừa mấy mét vải?

12. Một phân xưởng sản xuất 45 248 thùng hàng. Người ta xếp đều số thùng hàng đó vào 4 kho. Hỏi mỗi kho có bao nhiêu thùng hàng?

Bài 17

LUYỆN TẬP CHUNG



Thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

a) Tìm thương và số dư trong các phép chia sau:

$$7 : 2 = \dots (\text{dư } ?.)$$

$$1 : 2 = \dots (\text{dư } ?.)$$

$$15 : 6 = \dots (\text{dư } ?.)$$

$$5 : 6 = \dots (\text{dư } ?.)$$

$$1 : 6 = \dots (\text{dư } ?.)$$

b) Nêu nhận xét khi nào phép chia có thương bằng 0

c) Lấy ví dụ về phép chia có thương bằng 0. Chẳng hạn

$$3 : 4$$

$$5 : 7$$

$$0 : 8$$



$$\begin{array}{r} 5236 : 4 = 1309 \\ \underline{4} \\ 12 \\ \underline{12} \\ 03 \\ \underline{0} \\ 36 \\ \underline{36} \\ 0 \end{array}$$

Vậy $5236 : 4 = 1309$

Tính $5236 : 4 = ?$

- 5 chia 4 được 1, viết 1.
1 nhân 4 bằng 4, 5 trừ 4 bằng 1.
- Hạ 2, được 12, 12 chia 4 được 3, viết 3.
3 nhân 4 bằng 12, 12 trừ 12 bằng 0.
- Hạ 3, 3 chia 4 được 0, viết 0.
0 nhân 4 bằng 0, 3 trừ 0 bằng 3.
- Hạ 6, được 36, 36 chia 4 được 9, viết 9.
9 nhân 4 bằng 36, 36 trừ 36 bằng 0.



1. Tính (theo mẫu)

Mẫu:

$$\begin{array}{r|l} 1\,628 & 4 \\ \hline 1\,6\check{\downarrow} & 407 \\ \hline 02 & \\ \hline 0\check{\downarrow} & \\ \hline 28 & \\ 28 & \\ \hline 0 & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 356 & 7 \\ \hline & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 578 & 6 \\ \hline & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 1\,827 & 3 \\ \hline & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 1\,408 & 2 \\ \hline & \end{array}$$

2. Tính

$$\begin{array}{r|l} 327 & 3 \\ \hline & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 636 & 6 \\ \hline & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 7\,632 & 4 \\ \hline & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 8\,448 & 8 \\ \hline & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 2\,167 & 2 \\ \hline & \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 8\,516 & 5 \\ \hline & \end{array}$$

3. Đặt tính rồi tính

$$4\,152 : 2$$

$$8\,340 : 4$$

$$54\,805 : 5$$

$$84\,549 : 6$$

4. Đặt tính rồi tính

$$249 : 3$$

$$6\,318 : 9$$

$$45\,307 : 5$$

$$487 : 8$$

$$3\,224 : 4$$

$$12\,187 : 2$$

5. Đặt tính rồi tính

$$21\,684 : 4$$

$$16\,025 : 5$$

$$45\,789 : 3$$

$$45\,250 : 5$$

$$27\,162 : 3$$

$$36\,180 : 4$$



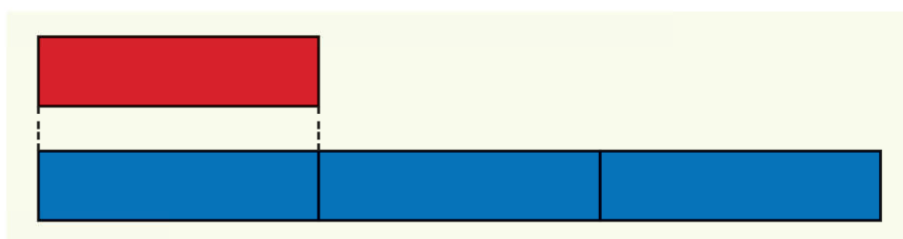
- 6.** Có 12 000 bút sáp màu. Người ta đóng hết số bút sáp màu đó vào các hộp, mỗi hộp 6 bút sáp. Hỏi đóng được tất cả bao nhiêu hộp bút sáp màu?
- 7.** Người ta lắp bánh xe vào các ô tô, mỗi ô tô cần phải lắp 4 bánh xe. Hỏi có 1 634 bánh xe thì lắp được nhiều nhất bao nhiêu ô tô như thế và còn thừa mấy bánh xe?
- 8.** Có 10 243 viên thuốc, người ta đóng vào các vỉ, mỗi vỉ 8 viên thuốc. Hỏi đóng được nhiều nhất bao nhiêu vỉ thuốc và còn thừa ra mấy viên?

Bài 18

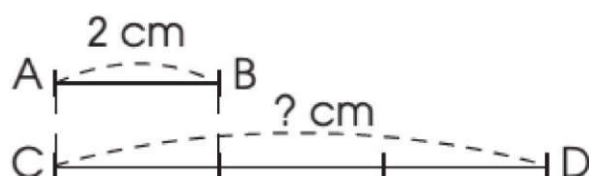
GẤP MỘT SỐ LÊN MỘT SỐ LẦN



Băng giấy xanh gấp mấy lần băng giấy đỏ?



Bài toán: Đoạn thẳng AB dài 2cm, đoạn thẳng CD dài gấp 3 lần đoạn thẳng AB.
Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



Bài giải:

Độ dài đoạn thẳng CD là:

$$2 \times 3 = 6 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 6 cm

Nhận xét: Muốn gấp một số lên một số lần, ta lấy số đó nhân với số lần.

Ví dụ 1: Gấp 6 lên 5 lần ta được: $6 \times 5 = 30$

Ví dụ 2: Gấp 2 lên 4 lần ta được: $2 \times 4 = 8$

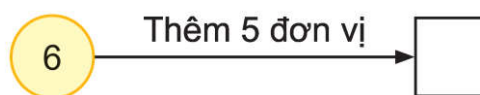
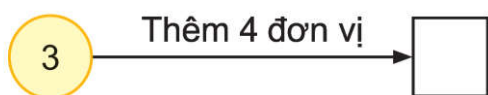
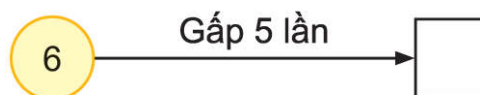


1. a) Số?

Số đã cho	2	4	5	3	6
Gấp số đã cho lên 3 lần	6				

b) Lấy ví dụ tương tự như trên.

2. Số?



3. Chị Hạnh rót nước mơ vào hai chiếc bình. Bình nhỏ có 2l nước mơ, bình to có số lít nước mơ gấp 5 lần bình nhỏ. Hỏi bình to có bao nhiêu lít nước mơ?

4. An năm nay 9 tuổi. Tuổi bố gấp 4 lần tuổi An. Hỏi bố năm nay bao nhiêu tuổi?

5. Số?

Số đã cho	28	271	1820	2109
Gấp số đã cho lên 4 lần				



6. Nhà cô Lan thu hoạch được 1 280kg thóc, số thóc nhà bác Hoà thu hoạch được gấp 3 lần nhà cô Lan. Hỏi nhà bác Hoà thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

7. Ngày thứ nhất đội công nhân sửa được 1 230m đường, ngày thứ hai đội công nhân sửa được số mét đường gấp đôi ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ hai đội công nhân đó sửa được bao nhiêu mét đường?

8. Năm nay nhà bác Ba thu hoạch được 1025 trái dừa, nhà bác Sáu thu hoạch được số trái dừa gấp 3 lần nhà bác Ba. Hỏi nhà bác Sáu thu hoạch được bao nhiêu trái dừa?


9. Một tổ hợp sản xuất, ngày thứ nhất bán được 462 tấm màn trúc, ngày thứ hai bán được gấp đôi ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ hai tổ hợp đó đã bán được bao nhiêu tấm màn trúc.

Bài 19

GIẢM MỘT SỐ ĐI MỘT SỐ LẦN




Quan sát tranh, nêu nhận xét




giảm đi **2 lần**
(giảm một nửa)

→




$6 : 2$



giảm đi **3 lần**

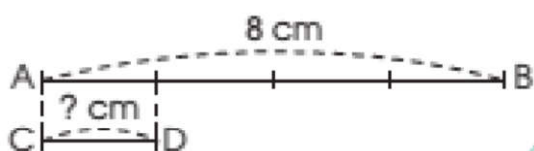
→



$15 : 3$



Bài toán: Đoạn thẳng AB dài 8cm. Độ dài đoạn thẳng AB giảm 4 lần thì được độ dài đoạn thẳng CD. Hỏi đoạn thẳng CD dài mấy xăng-ti-mét?



Bài giải:

Độ dài đoạn thẳng CD là:

$$8 : 4 = 2 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 2 cm

Nhận xét: Muốn giảm một số đi một số lần, ta lấy số đó chia cho số lần.

Ví dụ 1: Giảm 12 đi 3 lần ta được: $12 : 3 = 4$

Ví dụ 2: Giảm 30 đi 6 lần ta được: $30 : 6 = 5$

Ví dụ 3: Giảm 27 đi 9 lần ta được: $27 : 9 = 3$

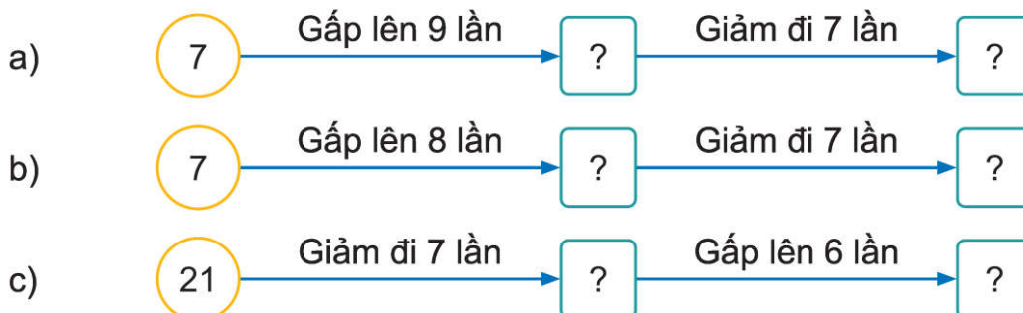
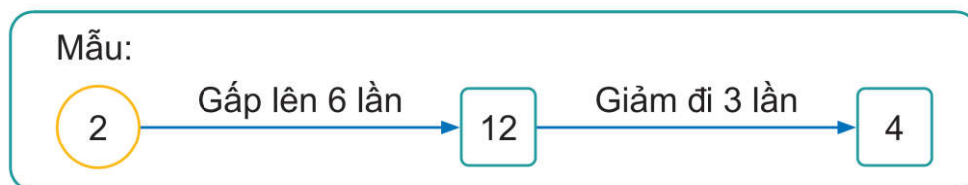


1. a) Số?

Số đã cho	24	16	20	32	36
Giảm số đã cho đi 4 lần	6				

b) Lấy ví dụ tương tự như trên

2. Tính (theo mẫu)



3. Tấm gỗ dày 8cm. Sau khi xẻ thì bề dày của tấm gỗ đó giảm đi 4 lần. Tính bề dày tấm gỗ sau khi xẻ.

4. Số?

a)

Số đã cho	6	3	9
Thêm 3 đơn vị	9	?	?
Gấp lên 3 lần	18	?	?
Bớt đi 3 đơn vị	3	?	?
Giảm đi 3 lần	2	?	?

b)

Số đã cho	24	369	2 736	6 183
Giảm số đã cho 3 lần				

5. a) Vẽ đoạn thẳng AB dài 8cm

b) Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài bằng độ dài đoạn thẳng AB giảm đi 4 lần.

c) Vẽ đoạn thẳng PQ có độ dài gấp 5 lần độ dài đoạn thẳng MN.



6. Trong hội chợ sách, buổi sáng một quầy hàng bán được 30 giỏ quà sách, buổi chiều số giỏ quà sách bán được giảm đi 3 lần so với buổi sáng. Hỏi buổi chiều quầy hàng đó bán được bao nhiêu giỏ quà sách?

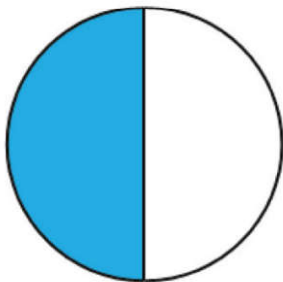
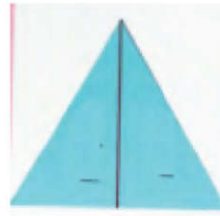
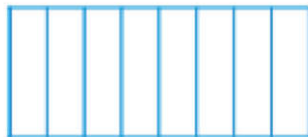
7. Một cửa hàng đang có chương trình khuyến mại giảm giá một nửa cho tất cả các mặt hàng. Một chiếc áo có giá 96 000 đồng, sau khi giảm giá chiếc áo đó có giá bao nhiêu tiền?

Bài 20

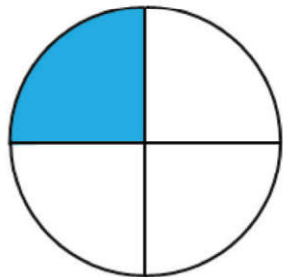
MỘT PHẦN MẤY



Lấy một tờ giấy, gấp để chia tờ giấy đó thành 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 phần bằng nhau. Chẳng hạn:



- Chia hình tròn thành 2 phần bằng nhau, tô màu 1 phần.
- Đã tô màu một phần hai hình tròn.
- Một phần hai viết là $\frac{1}{2}$.

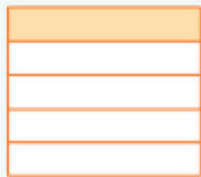


- Chia hình tròn thành 4 phần bằng nhau, tô màu 1 phần.
- Đã tô màu một phần tư hình tròn.
- Một phần tư viết là $\frac{1}{4}$.



Ta có: $\frac{1}{3}$

Đọc là: **Một phần ba**



Ta có: $\frac{1}{5}$

Đọc là: **Một phần năm**



Ta có: $\frac{1}{6}$

Đọc là: **Một phần sáu**



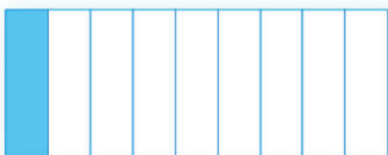
Ta có: $\frac{1}{7}$

Đọc là: **Một phần bảy**



Ta có: $\frac{1}{8}$

Đọc là: **Một phần tám**



Ta có: $\frac{1}{9}$

Đọc là: **Một phần chín**



1. Chọn cặp thẻ và phân số thích hợp (theo mẫu)

Một phần tám

Một phần ba

Một phần sáu

Một phần tư

$\frac{1}{2}$

$\frac{1}{3}$

$\frac{1}{4}$

$\frac{1}{5}$

$\frac{1}{6}$

$\frac{1}{7}$

$\frac{1}{8}$

$\frac{1}{9}$

Một phần hai

Một phần năm

Một phần chín

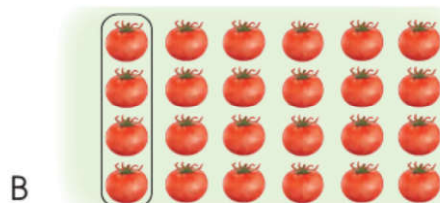
Một phần bảy

2. Hình nào đã khoanh:

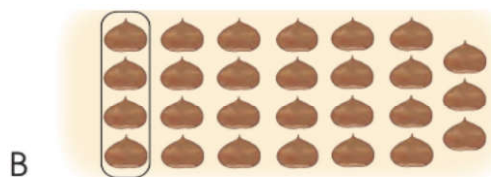
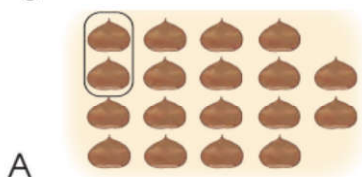
a) $\frac{1}{7}$ số cây nấm?



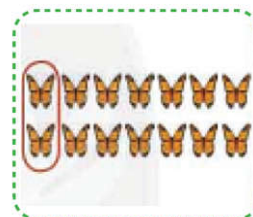
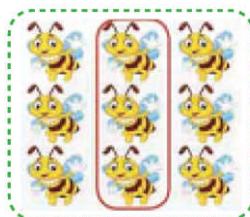
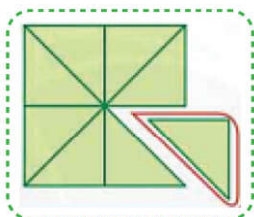
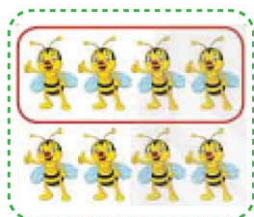
b) $\frac{1}{8}$ số quả cà chua?



c) $\frac{1}{9}$ số hạt dẻ?



3. Chọn hình vẽ với thẻ ghi phân số thích hợp



$$\frac{1}{2}$$

$$\frac{1}{3}$$

$$\frac{1}{4}$$

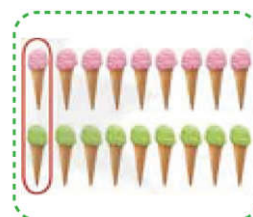
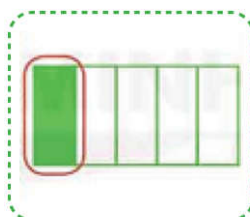
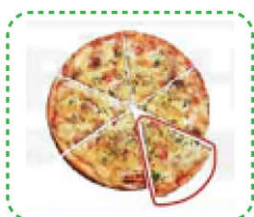
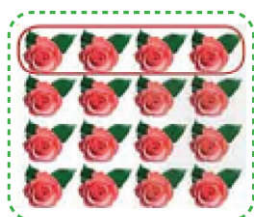
$$\frac{1}{5}$$

$$\frac{1}{6}$$

$$\frac{1}{7}$$

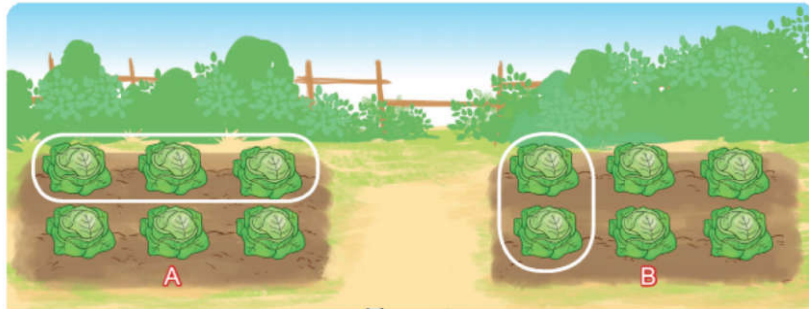
$$\frac{1}{8}$$

$$\frac{1}{9}$$

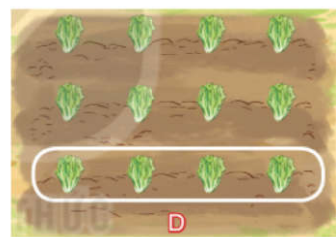
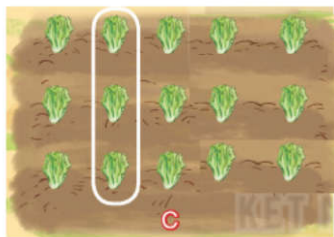




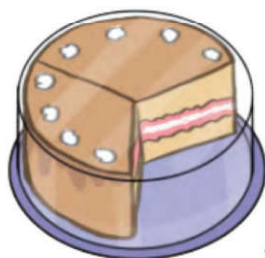
4. a) Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{3}$ số cây bắp cải



b) Hình nào đã khoanh vào $\frac{1}{5}$ số cây xà lách



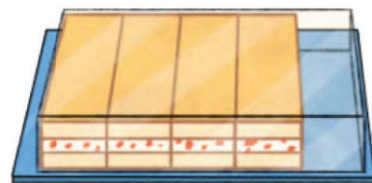
5. Quan sát hình vẽ trả lời câu hỏi:



A



B



C

a) Chiếc bánh nào đã ăn $\frac{1}{3}$?

b) Chiếc bánh nào đã ăn $\frac{1}{5}$?

c) Chiếc bánh nào đã ăn $\frac{1}{6}$?

Bài 21

SƠ SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ



Quan sát tranh, nêu nhận xét:

Băng giấy đỏ dài gấp mấy lần băng giấy xanh?

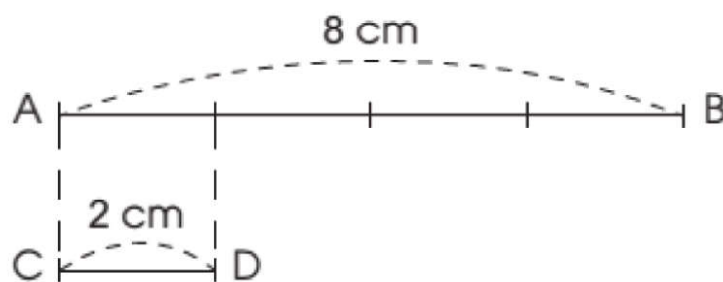
8 cm



2 cm



Bài toán: Đoạn thẳng AB dài 8cm, đoạn thẳng CD dài 2cm. Hỏi đoạn thẳng AB dài gấp mấy lần đoạn thẳng CD?



Bài giải:

Độ dài đoạn thẳng AB gấp độ dài đoạn thẳng CD
một số lần là: $8 : 2 = 4$ (lần)

Đáp số: 4 lần

Nhận xét: Muốn biết số lớn gấp mấy lần số bé, ta lấy số lớn chia cho số bé.

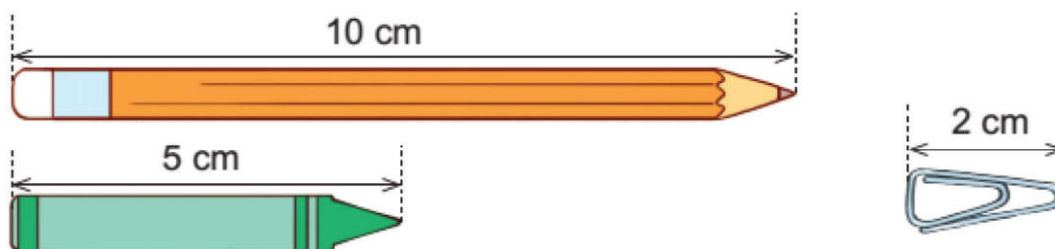


1. a) Số?

Số lớn	6	10	20
Số bé	2	5	4
Số lớn gấp mấy lần số bé?	3	?	?

b) Lấy ví dụ tương tự như trên.

2. Số?



a) Bút chì dài gấp lần bút sáp.

b) Bút chì dài gấp lần cái ghim.

3. Nói (theo mẫu)

Mẫu: Băng giấy thứ nhất: 10cm

Băng giấy thứ hai: 5cm

Băng giấy thứ nhất dài 10cm, băng giấy thứ hai dài 5cm.

Có $10 : 5 = 2$; ta nói: Băng giấy thứ nhất dài gấp 2 lần băng giấy thứ hai.

a) Đoạn thẳng thứ nhất dài 8cm, đoạn thẳng thứ hai dài 2cm.

Có $8 : 2 = .?.$; ta nói: Đoạn thẳng thứ nhất dài gấp $.?.$ lần đoạn thẳng thứ hai.

b) Con lợn cân nặng 50kg, con ngỗng cân nặng 5kg.

Có $50 : 5 = .?.$; ta nói: Con lợn cân nặng gấp $.?.$ lần con ngỗng.

4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Sợi dây 12m dài gấp .?. lần sợi dây 6m, vì $12 : 6 = .?$.

Bao gạo 42kg nặng gấp .?. lần bao gạo 6kg, vì $42 : 6 = .?$.

5. Quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi?



a) Số ngôi sao gấp mấy lần số khối trụ?

b) Số ngôi sao gấp mấy lần số khối cầu?

c) Số khối cầu gấp mấy lần số khối trụ?

6. Số?

Số lớn	12	45	35	27	54
Số bé	4	5	7	3	6
Số lớn gấp mấy lần số bé?	3				
Số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị	8				



7. Bãi đỗ xe có 18 chiếc xe tải và 6 chiếc xe buýt. Hỏi trong bãi đỗ xe đó số xe tải gấp mấy lần số xe buýt?

8. a) Có 7 con trâu, 42 con bò. Hỏi số bò gấp mấy lần số trâu?

b) Tám vải màu xanh dài 45m, tám vải màu đỏ dài 5m. Hỏi tám vải màu xanh dài gấp mấy lần tám vải màu đỏ?

9. Cây cau nhà chị Hương lúc mới trồng cao 2m. Hiện nay, cây cau đã cao 6m. Hỏi hiện nay cây cau cao gấp mấy lần lúc mới trồng?

10. Cô Hoài luộc rau trong thời gian 5 phút và kho thịt trong thời gian 30 phút. Hỏi thời gian cô kho thịt gấp mấy lần thời gian luộc rau?

Bài 22

LÀM QUEN VỚI BIỂU THỨC SỐ. TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC SỐ



Hãy lập các phép tính từ những thẻ số và thẻ dấu sau:

12

6

+

-

\times

:



1. Ví dụ về biểu thức số:

$381 + 135$; $95 - 17$; 13×3 ; $64 : 8$; $265 - 82 + 10$; $11 \times 3 + 4$; $5 \times 12 : 2$; $93 : 3 - 20$;... là các biểu thức số (hay còn gọi tắt là biểu thức).

2. Giá trị biểu thức

$$381 + 209 = 590$$

Giá trị của biểu thức $381 + 209$ là 590

$$68 : 2 = 34$$

Giá trị của biểu thức $68 : 2$ là 34

3. Thứ tự thực hiện các phép tính

a)

- Nếu trong biểu thức chỉ có các phép tính cộng, trừ thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

Ví dụ:

a) Tính giá trị của biểu thức:

$$9 + 3 - 5$$

$$\text{Ta có: } 9 + 3 - 5 = 12 - 5 \\ = 7$$

Giá trị của biểu thức $9 + 3 - 5$ là 7.

b) Tính giá trị của biểu thức:

$$37 - 7 - 16$$

$$\text{Ta có: } 37 - 7 - 16 = 30 - 16 \\ = 14$$

Giá trị của biểu thức $37 - 7 - 16$ là 14.

b)

- Nếu trong biểu thức chỉ có các phép tính nhân, chia thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

Ví dụ:

a) Tính giá trị của biểu thức:

$$15 : 3 \times 2$$

$$\begin{aligned}\text{Ta có: } 15 : 3 \times 2 &= 5 \times 2 \\ &= 10\end{aligned}$$

Giá trị của biểu thức $15 : 3 \times 2$ là 10.

b) Tính giá trị của biểu thức:

$$24 \times 2 : 6$$

$$\begin{aligned}\text{Ta có: } 24 \times 2 : 6 &= 48 : 6 \\ &= 8\end{aligned}$$

Giá trị của biểu thức $24 \times 2 : 6$ là 8.

c)

- Nếu trong biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì ta thực hiện các phép tính nhân, chia trước; rồi thực hiện các phép tính cộng, trừ sau.

Ví dụ:

a) Tính giá trị của biểu thức:

$$8 : 2 + 10$$

$$\begin{aligned}\text{Ta có: } 8 : 2 + 10 &= 4 + 10 \\ &= 14\end{aligned}$$

Giá trị của biểu thức $8 : 2 + 10$ là 14.

b) Tính giá trị của biểu thức:

$$29 - 5 \times 4$$

$$\begin{aligned}\text{Ta có: } 29 - 5 \times 4 &= 29 - 20 \\ &= 9\end{aligned}$$

Giá trị của biểu thức $29 - 5 \times 4$ là 9.

d)

- Các biểu thức: $15 - (5 + 7)$; $5 \times (4 + 2)$; $105 : (14 - 9)$; $80 : (4 \times 2)$;... đều là biểu thức có dấu ngoặc ().
- Khi tính giá trị của các biểu thức có dấu ngoặc () thì trước tiên ta thực hiện các phép tính trong ngoặc.

Ví dụ:

$$\begin{aligned}\text{a) } (16 + 20) : 4 &= 36 : 4 \\ &= 9\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{b) } 84 - (19 - 15) &= 84 - 4 \\ &= 80\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{c) } 9 \times (73 - 65) &= 9 \times 8 \\ &= 72\end{aligned}$$



1. Viết và ghi tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu)

$$15 + 12 = 27$$

Giá trị của biểu thức $15 + 12$ là 27.

a) $34 - 23$

Giá trị của biểu thức $34 - 23$ là .?.

b) 15×6

Giá trị của biểu thức 15×6 là .?.

c) $20 : 2$

Giá trị của biểu thức $20 : 2$ là .?.

2. Tính giá trị của biểu thức

a) $345 + 15 - 50$

b) $20 \times 2 : 5$

c) $67 - 43 + 20$

d) $30 : 6 \times 7$

3. Chọn biểu thức ứng với giá trị thích hợp

$$125 - 82 + 7$$

$$40 : 5 \times 8$$

$$20 + 70 - 30$$

$$72 : 9 \times 10$$

50

60

64

80

4. Tính giá trị của biểu thức

a) $300 - 20 \times 4$

b) $200 + 63 : 3$

c) $12 \times 4 - 20$

d) $56 : 8 + 12$

5. Tính giá trị của biểu thức

a) $(45 + 15) : 3$

b) $67 - (43 - 20)$

c) $20 \times (12 - 10)$

d) $48 : (8 : 2)$

6. Tính giá trị của biểu thức

a) $48 : 4 : 2$

b) $34 - 20 + 10$

c) $48 : (4 : 2)$

d) $34 - (20 + 10)$



- 7.** Có 240 quyển sách xếp đều vào 2 tủ, mỗi tủ có 4 ngăn. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách, biết rằng mỗi ngăn có số sách như nhau?
- 8.** Người ta xếp 80 cái bánh vào các hộp, mỗi hộp 4 cái. Sau đó xếp các hộp vào thùng, mỗi thùng 5 hộp. Hỏi có bao nhiêu thùng bánh?
- 9.** Người ta xếp 800 hộp sữa thành các dây, mỗi dây 4 hộp. Sau đó, xếp các dây sữa vào các thùng, mỗi thùng 5 dây sữa. Hỏi người ta xếp được bao nhiêu thùng sữa?

Bài 23

TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH



Tính nhẩm

$$12 + 3$$

$$3 + 12$$

$$15 - 3$$

$$15 - 12$$

$$6 \times 5$$

$$5 \times 6$$

$$30 : 6$$

$$30 : 5$$

Nhận xét mối quan hệ của phép cộng với phép trừ, phép nhân với phép chia trong ví dụ trên.



1. Tìm một số hạng chưa biết trong một tổng

$$7 + 3 = 10$$

$$3 = 10 - 7$$

$$7 = 10 - 3$$

Muốn tìm một số hạng ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

2. Tìm số bị trừ

$$9 - 6 = 3$$

$$9 = 3 + 6$$

Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.

3. Tìm số trừ

$$\begin{array}{c} \triangle 9 - \bigcirc 6 = \square 3 \\ \bigcirc 6 = \triangle 9 - \square 3 \end{array}$$

Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

4. Tìm một thừa số của phép nhân

$$\begin{array}{c} \triangle 2 \times \square 4 = \bigcirc 8 \\ \square 4 = \bigcirc 8 : \triangle 2 \\ \triangle 2 = \bigcirc 8 : \square 4 \end{array}$$

Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia

5. Tìm số bị chia

$$\begin{array}{c} \triangle 30 : \bigcirc 5 = \square 6 \\ \triangle 30 = \square 6 \times \bigcirc 5 \end{array}$$

Trong phép chia hết, muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

6. Tìm số chia

$$\begin{array}{c} \triangle 30 : \bigcirc 5 = \square 6 \\ \bigcirc 5 = \triangle 30 : \square 6 \end{array}$$

Trong phép chia hết, muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương.



1. Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau

a) $10 + \boxed{?} = 15$

b) $\boxed{?} + 4 = 9$

c) $2\,000 + \boxed{?} = 3\,400$

$123 + \boxed{?} = 130$

$\boxed{?} + 50 = 370$

$\boxed{?} + 652 = 700$

2. Số?

Số hạng	10	76	16	12	?	?
Số hạng	6	8	?	?	8	85
Tổng	?	?	26	37	12	95

3. Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau

a) $\boxed{?} - 8 = 10$

b) $16 - \boxed{?} = 12$

c) $\boxed{?} - 226 = 10$

$\boxed{?} - 20 = 30$

$50 - \boxed{?} = 45$

$721 - \boxed{?} = 700$

4. Số?

Số bị trừ	33	?	?	?	82	164	2 340
Số trừ	7	8	27	32	?	?	?
Hiệu	?	43	9	22	32	100	2 300

5. Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau

a) $3 \times \boxed{?} = 27$

b) $\boxed{?} \times 3 = 603$

$4 \times \boxed{?} = 48$

$\boxed{?} \times 2 = 8\,284$

6. Số?

Thừa số	31	9	5	?	?	?
Thừa số	3	?	?	8	4	5
Tích	?	36	85	64	96	5 505

7. Tìm thành phần chưa biết trong các phép tính sau

a) $\boxed{?} : 5 = 30$

$\boxed{?} : 4 = 11$

b) $24 : \boxed{?} = 4$

$69 : \boxed{?} = 3$

c) $\boxed{?} : 2 = 321$

$884 : \boxed{?} = 2$



8. Anh An mua vé vào xem hội chợ hết 12 000 đồng, người bán vé trả lại anh An 8 000 đồng. Hỏi anh An đã đưa cho người bán vé bao nhiêu tiền?

9. Bác Năm muốn lấy một số cây giống để trồng vào 8 luống, mỗi luống 12 cây. Tính số cây giống bác Năm cần lấy.

10. Có 1 690 thùng hàng cần chuyển đến các siêu thị. Người ta đã vận chuyển được 4 chuyến, mỗi chuyến 218 thùng hàng. Hỏi còn bao nhiêu thùng hàng chưa được chuyển đi?



Bài 24

LUYỆN TẬP CHUNG



Thực hiện các hoạt động sau:

- a) Nêu cách tính và lấy ví dụ
 - Gấp một số lên một số lần.
 - Giảm một số đi một số lần.
 - So sánh số lớn gấp mấy lần số bé.
 - Tìm thành phần chưa biết của phép tính.
- b) Nêu thứ tự thực hiện các phép tính và lấy ví dụ
 - Nếu trong biểu thức chỉ có phép tính cộng, trừ hoặc nhân chia.
 - Nếu trong biểu thức có cả phép tính cộng, trừ, nhân, chia.
 - Nếu trong biểu thức có dấu ngoặc.



1. Số?

a)

Số đã cho	8	12	201	3 107
Gấp số đã cho lên 6 lần				

b)

Số đã cho	21	63	426	6 219
Giảm số đã cho đi 3 lần				

c)

Số lớn	12	45	35	24	42
Số bé	4	5	7	3	6
Số lớn gấp mấy lần số bé?	3	?	?	?	?
Số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị?	8	?	?	?	?

2. Tìm thành phần chưa biết của phép tính sau

a) $1\,536 + \boxed{?} = 6\,927$ b) $\boxed{?} - 42 = 981$ c) $4\,492 - \boxed{?} = 1\,059$

$\boxed{?} + 729 = 8\,153$ $\boxed{?} - 3\,236 = 8\,462$ $3\,298 - \boxed{?} = 225$

d) $2 \times \boxed{?} = 1\,846$ e) $\boxed{?} : 3 = 1\,527$ g) $2\,416 : \boxed{?} = 4$

$\boxed{?} \times 3 = 2\,307$ $\boxed{?} : 4 = 1\,823$ $7\,545 : \boxed{?} = 5$

3. Tính giá trị các biểu thức sau

a) $47 + 36 - 50$

b) $731 - 680 + 19$

c) $85 : 5 \times 4$

d) $63 \times 2 : 7$

e) $45 + (62 + 38)$

g) $182 - (96 - 54)$

h) $64 : (4 \times 2)$

k) $7 \times (48 : 6)$

4. a) Tính giá trị của các biểu thức sau:

$$(178 + 214) + 86$$

$$178 + (214 + 86)$$

$$(17 \times 5) \times 2$$

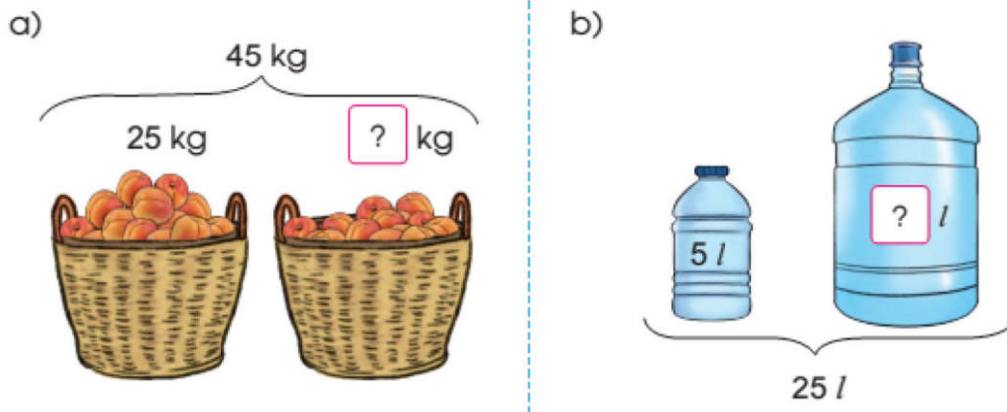
$$17 \times (5 \times 2)$$

b) Nhận xét về giá trị của các biểu thức trong từng cột ở câu a.

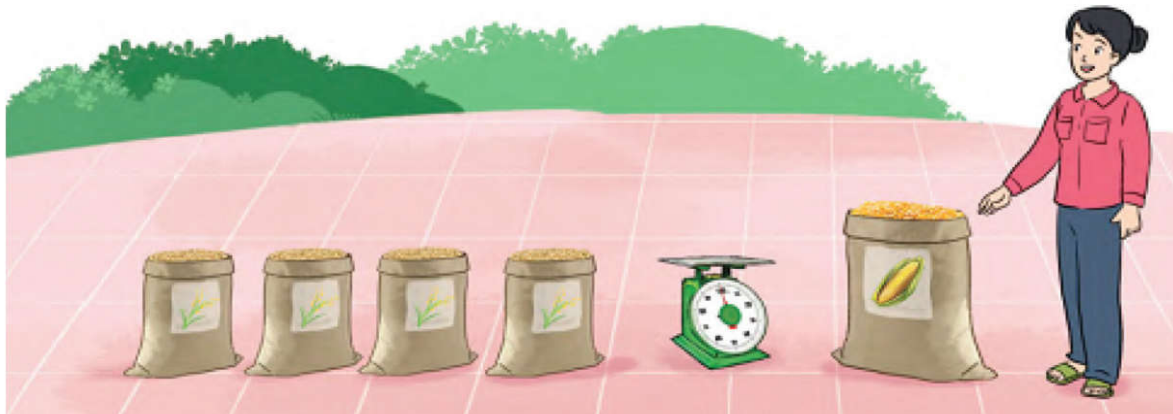
c) Lấy ví dụ tương tự như các biểu thức ở câu a.



5. Số?



6. Mỗi bao thóc cân nặng 50kg, mỗi bao ngô cân nặng 30kg. Hỏi 4 bao thóc và 1 bao ngô cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



7. Một con lợn cân nặng 60kg, một con gà cân nặng 2kg. Hỏi con lợn cân nặng gấp mấy lần con gà?

8. Xe ô tô nhỏ chở được 7 người, xe ô tô to chở được số người gấp 5 lần xe ô tô nhỏ. Hỏi cả hai xe ô tô đó chở được bao nhiêu người?

9. Nhà chị Xuân nuôi 9 con vịt, chị Xuân nuôi số gà gấp 6 lần số vịt. Hỏi nhà chị Xuân nuôi tất cả bao nhiêu con gà và con vịt?

Bài 25

NHIỆT ĐỘ



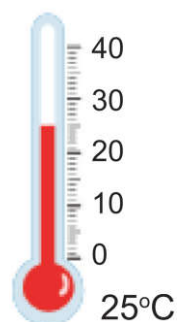
Quan sát tranh và nói về thông tin trong bức tranh



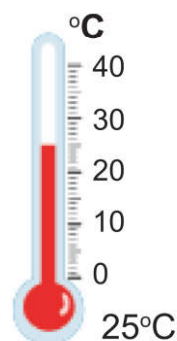
Nóng



Lạnh



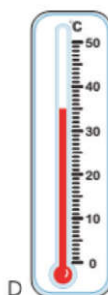
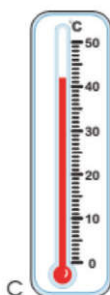
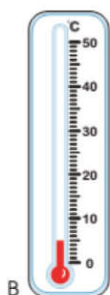
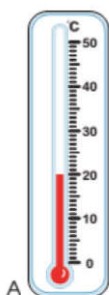
- Độ C là một đơn vị đo nhiệt độ. Độ C ký hiệu là: °C.
- 1 °C đọc là: một độ xê.
- Để đo nhiệt độ người ta thường dùng nhiệt kế.









Hai mươi lăm độ xê



1. Đọc và ghi lại nhiệt độ trên mỗi nhiệt kế sau:



2. Đọc bản tin dự báo thời tiết sau rồi trả lời câu hỏi

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
						
25°C 23°C	25°C 22°C	25°C 23°C	24°C 21°C	29°C 21°C	30°C 23°C	34°C 24°C

- a) Trong ngày thứ Sáu, nhiệt độ thấp nhất là bao nhiêu độ C, nhiệt độ cao nhất là bao nhiêu độ C?
- b) Ngày nào trong tuần có nhiệt độ cao nhất?



3. Quan sát các nhiệt kế sau và cho biết nơi nào lạnh nhất



A. Mẫu Sơn
(Lạng Sơn)



B. Bạch Mã
(Thừa Thiên - Huế)



C. Đà Lạt
(Lâm Đồng)

Bài 26

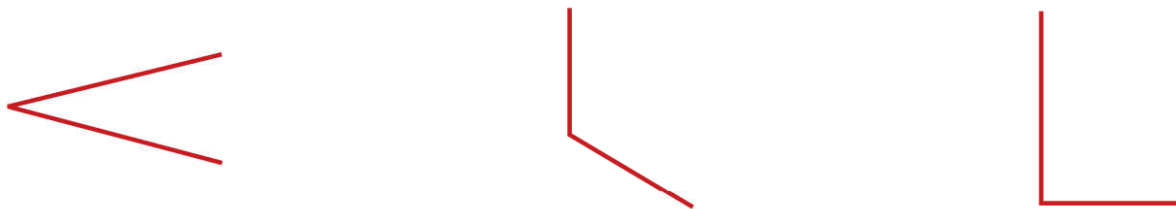
GÓC VUÔNG, GÓC KHÔNG VUÔNG



Quan sát tranh hình ảnh tạo bởi hai kim đồng hồ trong các đồng hồ sau:



- Làm quen với góc:

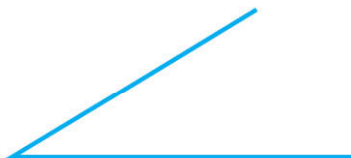


Đây là các góc

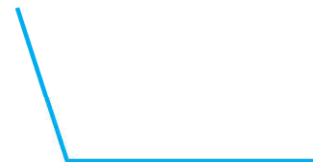
- Góc vuông, góc không vuông:



Góc vuông



Góc không vuông

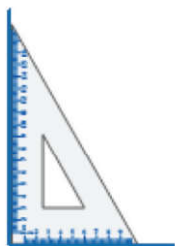


Góc không vuông

• Ê ke:

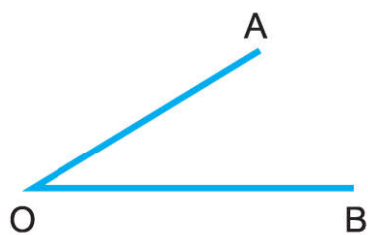


Cái ê ke



Dùng ê ke để kiểm tra góc vuông

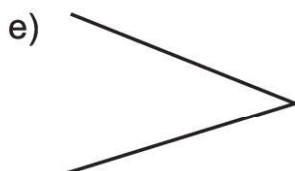
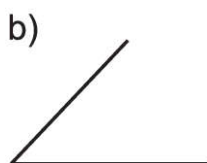
• Đọc tên góc:



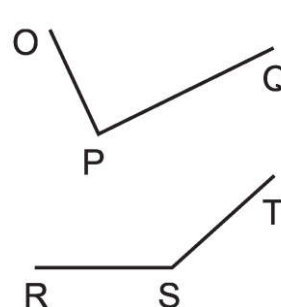
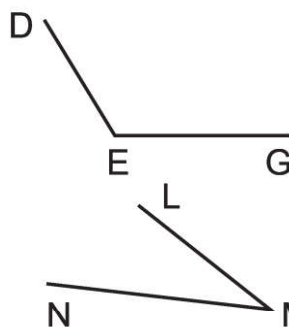
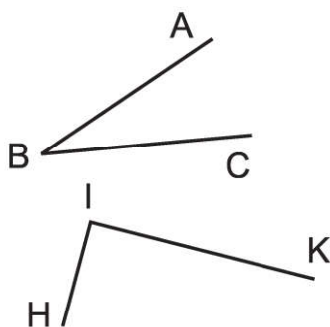
Góc đỉnh O; cạnh OA, OB



1. Dùng ê ke để nhận biết góc nào là góc vuông, góc nào là góc không vuông trong mỗi hình dưới đây:

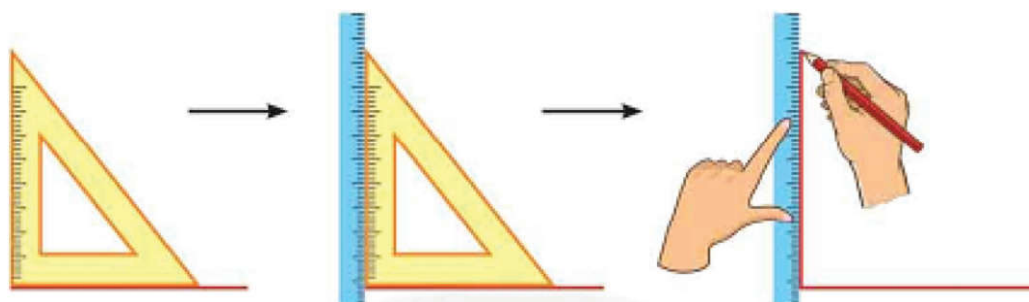


2. a) Nêu tên đỉnh và cạnh của mỗi góc trong các hình dưới đây:



b) Dùng ê ke để nhận biết góc nào là góc vuông, góc nào là góc không vuông trong các hình trên.

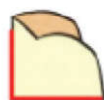
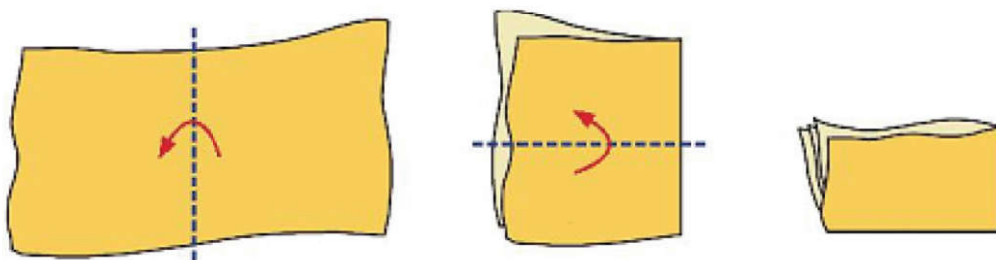
3. a) Quan sát cách dùng ê ke để vẽ góc vuông



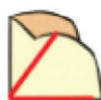
b) Dùng ê ke vẽ vào vở 2 góc vuông



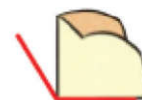
4. a) Gấp giấy tạo thành công cụ kiểm tra góc vuông



Góc vuông



Góc không vuông

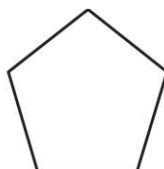


Góc không vuông

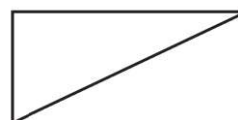
b) Sử dụng công cụ vừa tạo để kiểm tra góc vuông, góc không vuông trong các hình dưới đây:



A



B



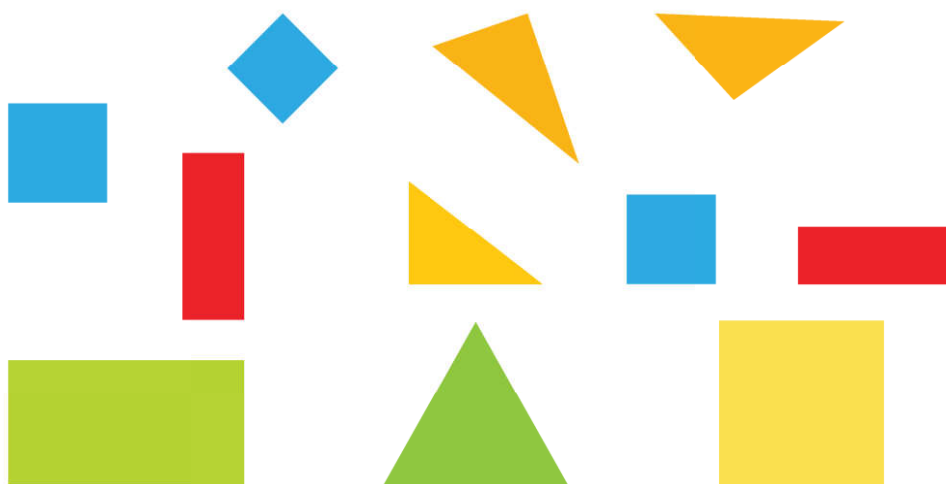
C

Bài 27

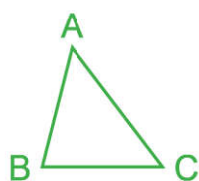
TAM GIÁC, TỨ GIÁC. HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG



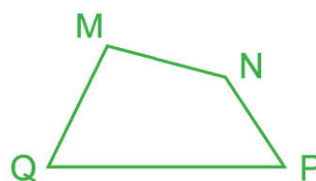
Chọn riêng những hình cùng loại



1. Hình tam giác. Hình tứ giác



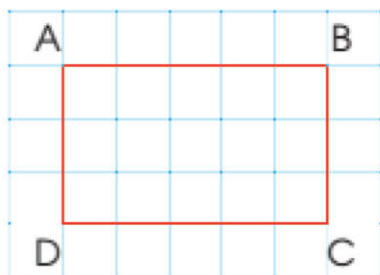
Hình tam giác ABC có:
3 đỉnh là: A, B, C;
3 cạnh là: AB, BC, CA.



Hình tứ giác MNPQ có:
4 đỉnh là: M, N, P, Q;
4 cạnh là: MN, NP, PQ, QM.

- Hình tam giác có 3 đỉnh và 3 cạnh.
- Hình tứ giác có 4 đỉnh và 4 cạnh.

2. Hình chữ nhật. Hình vuông

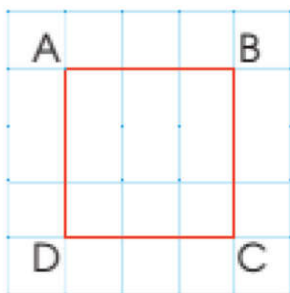


Hình chữ nhật ABCD có:

- 4 góc ở đỉnh A, B, C, D đều là góc vuông.
- 4 cạnh gồm: 2 cạnh dài AB và CD, $AB = CD$; 2 cạnh ngắn AD và BC, $AD = BC$

Hình chữ nhật có bốn góc vuông, có hai cạnh dài bằng nhau và hai cạnh ngắn bằng nhau.

Độ dài cạnh dài gọi là *chiều dài*, độ dài cạnh ngắn gọi là *chiều rộng*.



Hình vuông ABCD có:

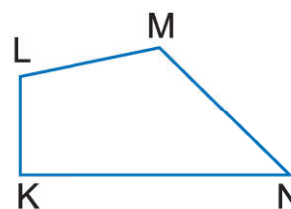
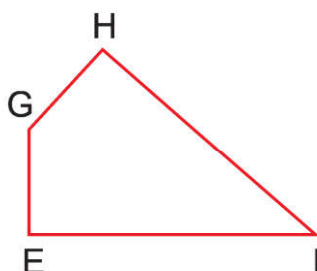
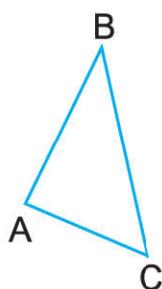
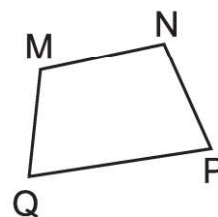
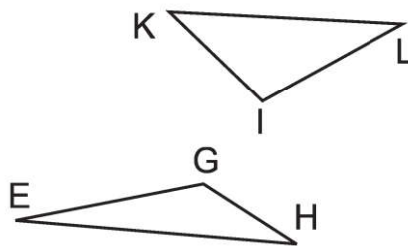
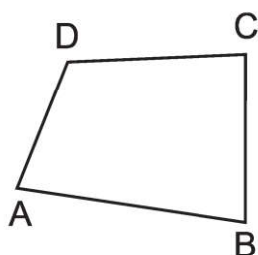
- 4 góc ở đỉnh A, B, C, D đều là góc vuông.
- 4 cạnh có độ dài bằng nhau:

$$AB = BC = CD = DA$$

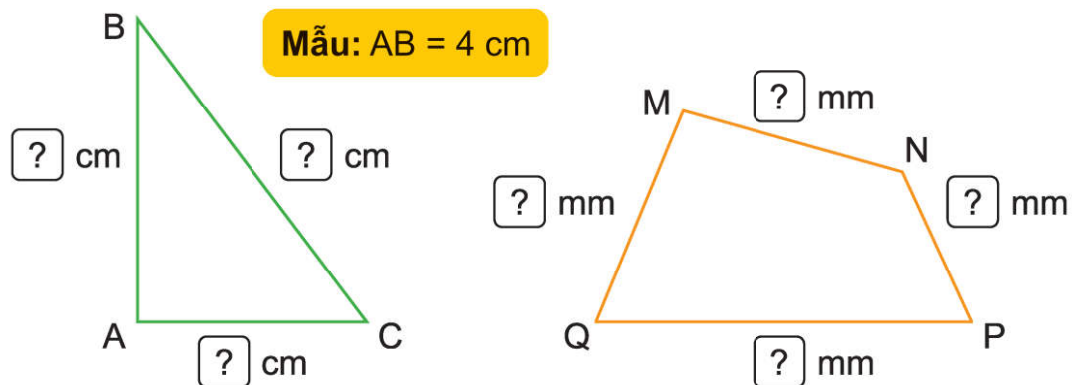
Hình vuông có bốn góc vuông và bốn cạnh bằng nhau.



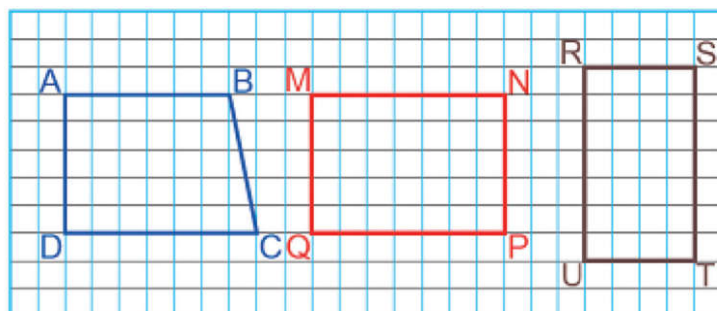
1. Nêu tên hình và các đỉnh, cạnh, góc có trong mỗi hình dưới đây:



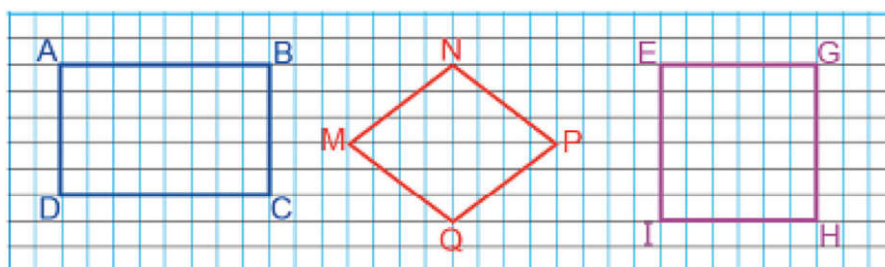
2. Đo độ dài mỗi cạnh của hình tam giác, hình tứ giác sau rồi viết số đo (theo mẫu)



3. a) Trong các hình dưới đây, hình nào là hình chữ nhật?

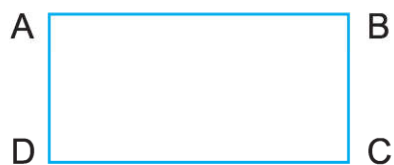


b) Trong các hình dưới đây, hình nào là hình vuông?

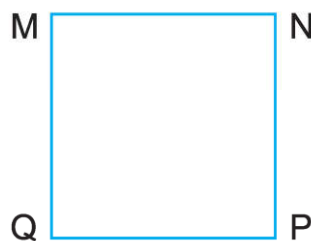


4. Đo rồi cho biết độ dài các cạnh của mỗi hình sau:

a) Hình chữ nhật ABCD.

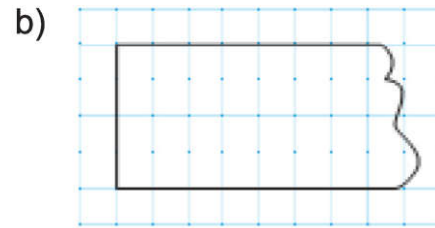
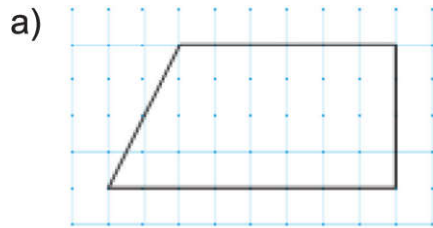


b) Hình vuông MNPQ.

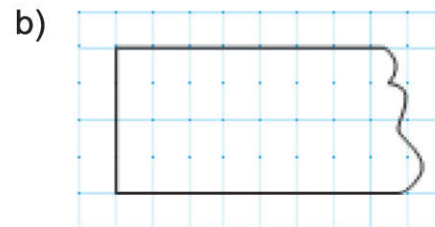
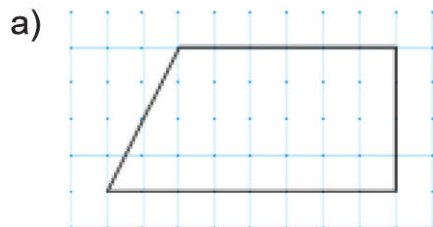




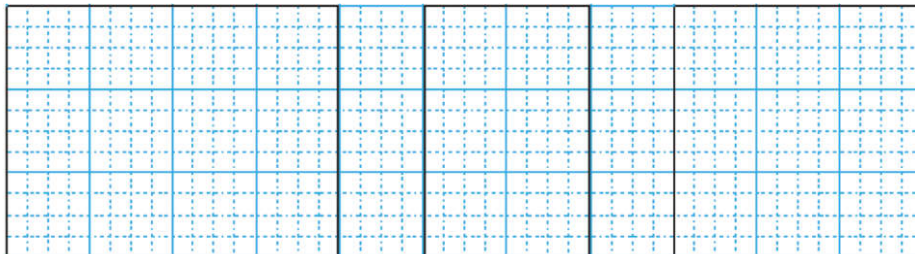
5. Kẻ thêm một đoạn thẳng để được hình chữ nhật



6. Kẻ thêm một đoạn thẳng để được hình vuông



7. Vẽ hình chữ nhật, hình vuông trên giấy kẻ ô vuông (theo mẫu)

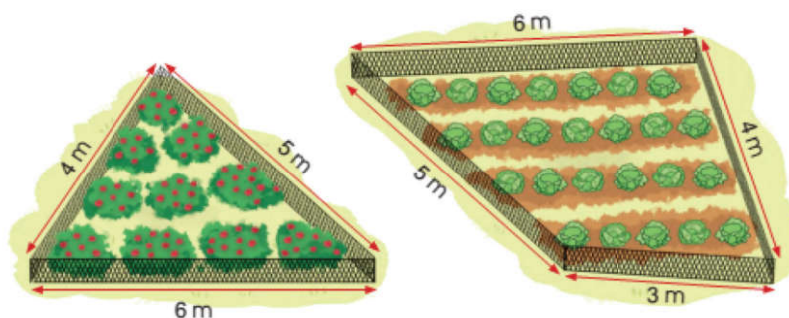


Bài 28

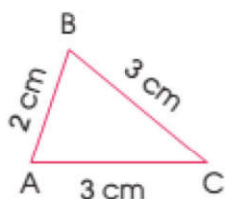
CHU VI HÌNH TAM GIÁC, CHU VI HÌNH TỨ GIÁC. CHU VI HÌNH CHỮ NHẬT, CHU VI HÌNH VUÔNG



Nêu cách tính số mét lưới để rào vườn như trong hình vẽ sau:

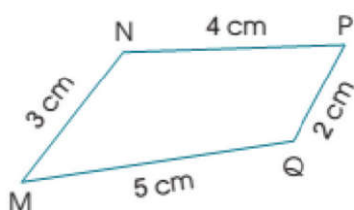


1. Chu vi hình tam giác. Chu vi hình tứ giác



Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác ABC là:
 $2\text{ cm} + 3\text{ cm} + 3\text{ cm} = 8\text{ cm}$

Ta nói rằng: **Chu vi hình tam giác ABC** là 8 cm.



Tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác MNPQ là:
 $3\text{ cm} + 4\text{ cm} + 2\text{ cm} + 5\text{ cm} = 14\text{ cm}$

Ta nói rằng: **Chu vi hình tứ giác MNPQ** là 14 cm.

Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác (hình tứ giác) là chu vi của hình đó.

2. Chu vi hình chữ nhật. Chu vi hình vuông

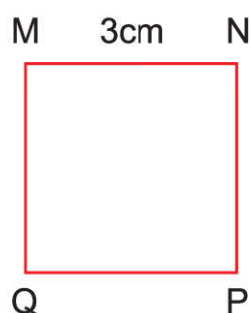
a) Chu vi hình chữ nhật



Chu vi hình chữ nhật ABCD là:
 $5 + 2 + 5 + 2 = 14 \text{ (cm)}$
hoặc $(5 + 2) \times 2 = 14 \text{ (cm)}$

Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2.

b) Chu vi hình vuông

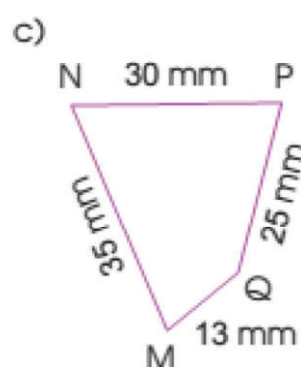
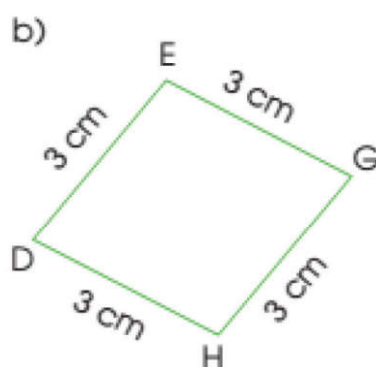
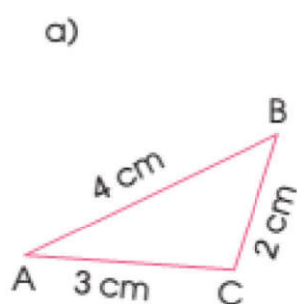


Chu vi hình vuông MNPQ là:
 $3 + 3 + 3 + 3 = 12 \text{ (cm)}$
hoặc $3 \times 4 = 12 \text{ (cm)}$

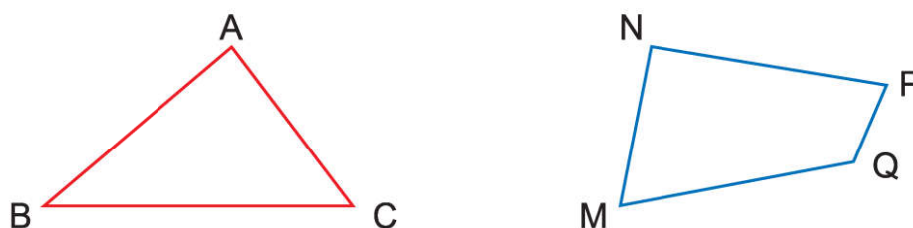
Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4.



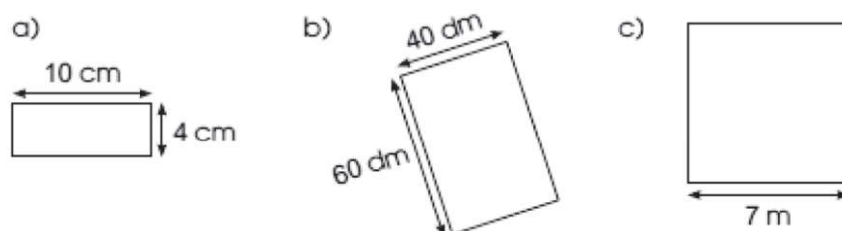
1. Tính chu vi của các hình tam giác, hình tứ giác sau:



2. Đo độ dài mỗi cạnh rồi tính chu vi của hình tam giác, hình tứ giác dưới đây



3. Tính chu vi các hình chữ nhật, hình vuông sau:



4. a) Tính chu vi hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 8m.

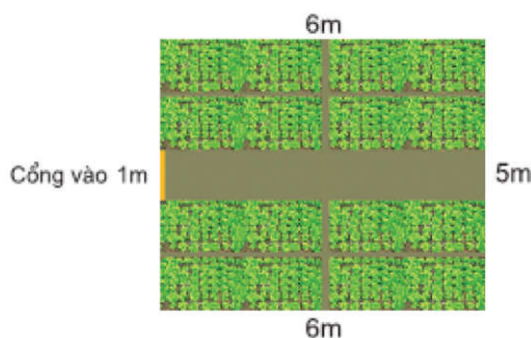
b) Tính chu vi hình vuông có cạnh 12dm.



5. Một sân bóng rổ có dạng hình chữ nhật với chiều dài 28m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 13m. Tính chu vi của sân bóng rổ đó.

6. Bác Tâm đã làm một hàng rào quanh khu đất trồng hoa có dạng hình vuông cạnh 32m. Hỏi hàng rào đó dài bao nhiêu mét?

7. Bác Hải muốn làm một hàng rào xung quanh mảnh vườn hình chữ nhật, chiều dài 6m, chiều rộng 5m. Hãy giúp bác Hải tính xem cần tất cả bao nhiêu mét rào, biết rằng cổng vào của mảnh vườn dài 1m.

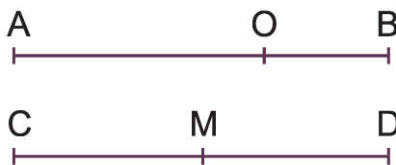


Bài 29

ĐIỂM Ở GIỮA. TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG



Quan sát hình vẽ rồi chỉ ra điểm ở giữa hai điểm

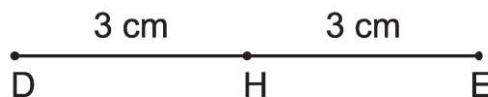


1. Điểm ở giữa



A, O, B là ba điểm thẳng hàng.
O là *điểm ở giữa* hai điểm A và B.

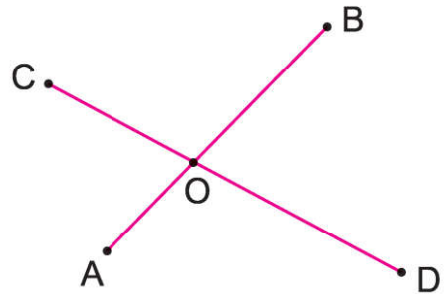
2. Trung điểm của đoạn thẳng



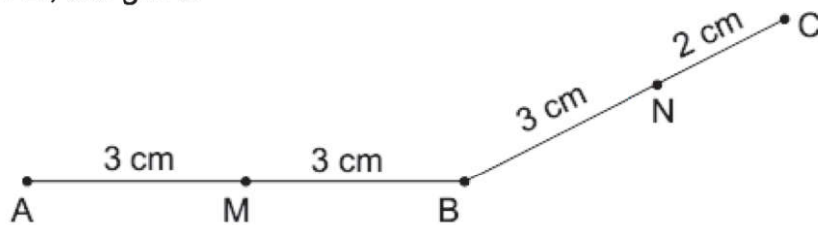
- H là điểm ở giữa hai điểm D và E.
- Độ dài đoạn thẳng DH bằng độ dài đoạn thẳng HE, viết là: $DH = HE$.
- H được gọi là trung điểm của đoạn thẳng DE.



1. Quan sát các hình sau và nêu tên điểm ở giữa hai điểm khác:

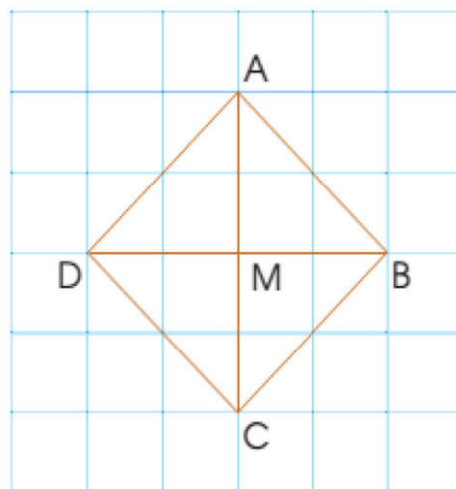
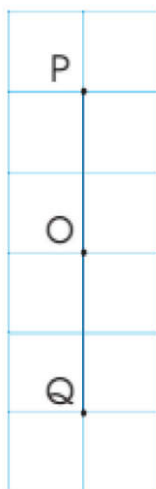


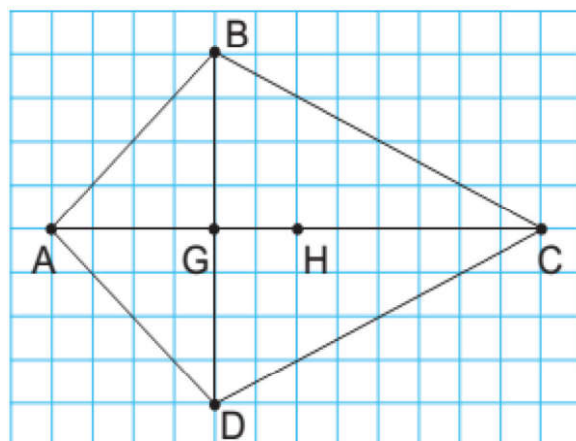
2. Đúng ghi Đ, sai ghi S



- a) M là trung điểm của đoạn thẳng AB
- b) N là điểm ở giữa hai điểm B và C
- c) N là trung điểm của đoạn thẳng BC
- d) B là điểm ở giữa hai điểm M và N

3. Nêu tên trung điểm của mỗi đoạn thẳng có trong hình dưới đây:





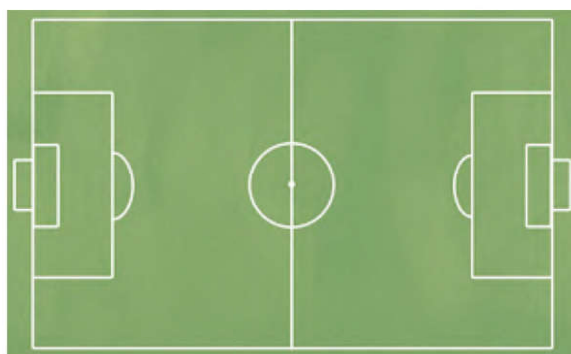
4. Quan sát tia số, chọn câu đúng:



- a) Trung điểm của đoạn thẳng AB ứng với số 4 200.
- b) Trung điểm của đoạn thẳng BC ứng với số 4 700.
- c) Trung điểm của đoạn thẳng AD ứng với số 4 500.



5. a) Quan sát các hình sau và chỉ ra những hình ảnh liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng:

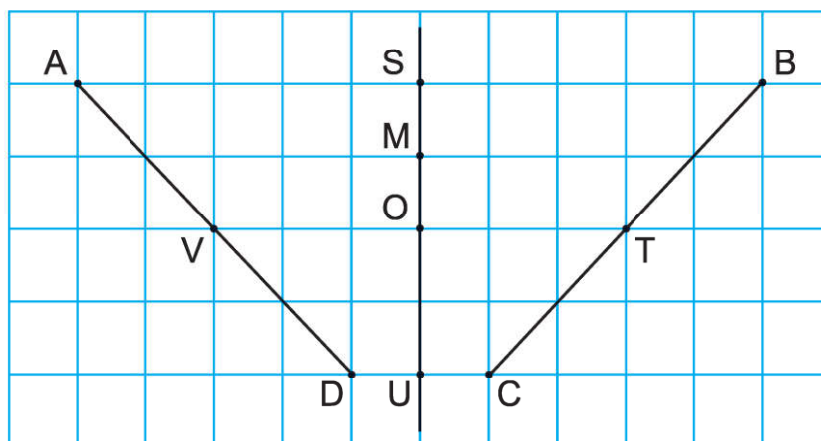


b) Có một đoạn dây thép thẳng, làm thế nào để tìm được trung điểm của đoạn dây thép đó?

6. Xác định vị trí của các chiếc lều:

a) Vị trí các lều  **A**,  **B**,  **C**,  **D** theo thứ tự là trung điểm của các đoạn thẳng AD, BC, DC, AB.

b) Lều  ở vị trí trung điểm của đoạn thẳng SU.

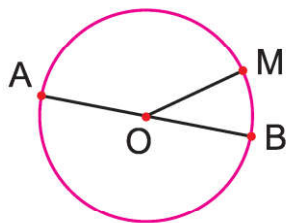


Bài 30

HÌNH TRÒN, TÂM, ĐƯỜNG KÍNH, BÁN KÍNH. VẼ TRANG TRÍ HÌNH TRÒN



Kể tên một số đồ vật có dạng hình tròn.



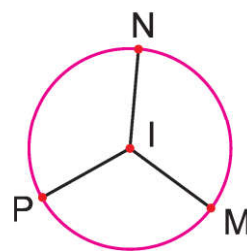
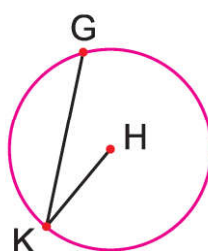
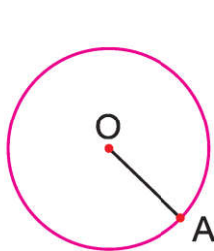
Hình tròn tâm O, bán kính OM, đường kính AB.

Nhận xét: Trong một hình tròn

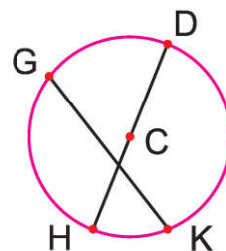
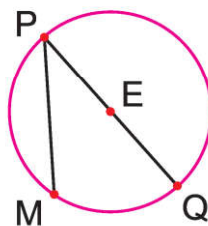
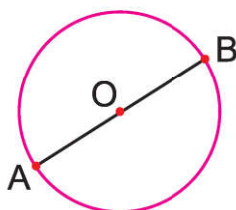
- Tâm O là trung điểm của đường kính AB.
- Độ dài đường kính gấp hai lần độ dài bán kính.



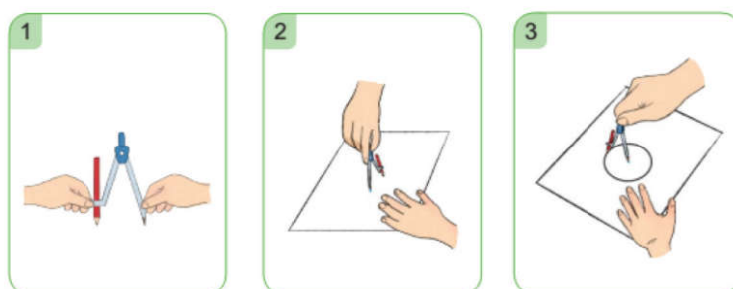
1. a) Nêu tên các bán kính có trong mỗi hình tròn sau:



b) Nêu tên các đường kính có trong mỗi hình tròn sau:



2. a) Sử dụng compa để vẽ đường tròn (theo mẫu):



b) Vẽ hai đường tròn vào vở.

3. a) Cho hình tròn tâm O có độ dài đường kính bằng 8cm. Tính độ dài bán kính của hình tròn đó.

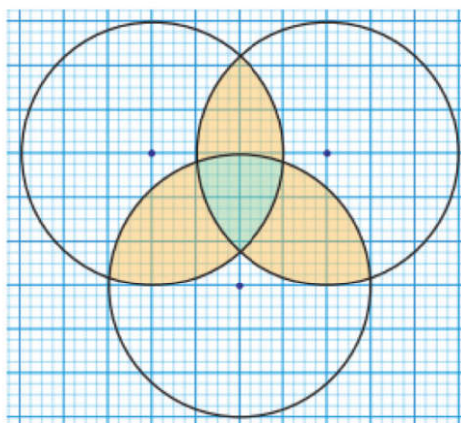
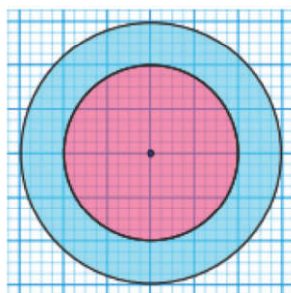
b) Cho hình tròn tâm O có độ dài bán kính bằng 5cm. Tính độ dài đường kính của hình tròn đó.



4. Thực hành: Xác định tâm của một hình tròn



5. Vẽ trang trí như các hình dưới đây:

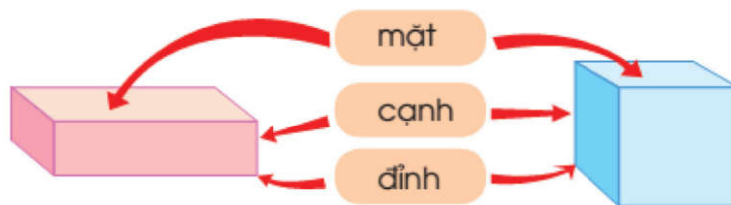
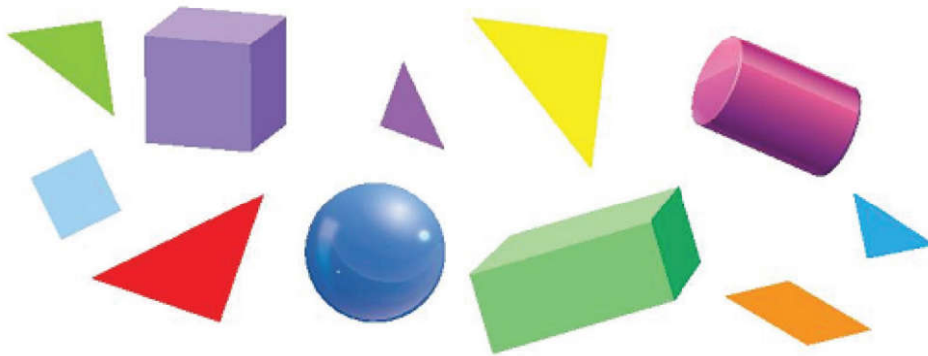


Bài 31

KHỐI HỘP CHỮ NHẬT. KHỐI LẬP PHƯƠNG



Kể tên các hình khối có trong hình sau:



Khối hộp chữ nhật có:

- 6 mặt, các mặt đều là hình chữ nhật
- 8 đỉnh
- 12 cạnh

Khối lập phương có:

- 6 mặt, các mặt đều là hình vuông
- 8 đỉnh
- 12 cạnh

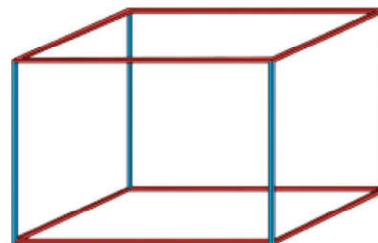


1. Số?

	Số đỉnh	Số cạnh	Số mặt
Khối hộp chữ nhật	?	?	?
Khối lập phương	?	?	?

2. Một chiếc khung sắt dạng khối hộp chữ nhật có các cạnh được sơn màu như hình vẽ.

- a) Có mấy cạnh được sơn màu xanh, mấy cạnh được sơn màu đỏ.
- b) Chọn câu trả lời đúng.

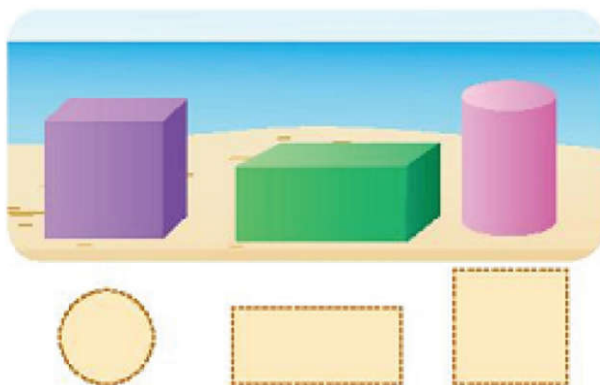


Người ta lắp một tấm gỗ vừa khít vào mặt trước của chiếc khung sắt đó. Miếng gỗ cần lắp có dạng hình gì?

- A. Hình tròn.
- B. Hình tam giác.
- C. Hình chữ nhật.



3. Ba khối gỗ có vết là hình trên cát, tìm các khối gỗ tương ứng



4. Ở gần mỗi đỉnh của một chiếc hộp gỗ dạng khối lập phương, bác Hà chạm ba bông hoa (như hình vẽ). Bác Hà đã chạm tất cả ... bông hoa?



Bài 32

THỰC HÀNH KEM ĐỒNG HỒ



Đồng hồ chỉ mấy giờ?



19 : 00

16 : 00



9 giờ 10 phút



9 giờ 15 phút



9 giờ 35 phút



7 giờ 12 phút



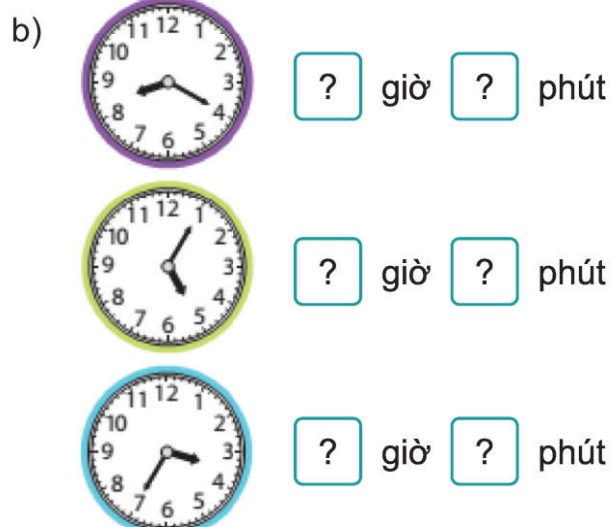
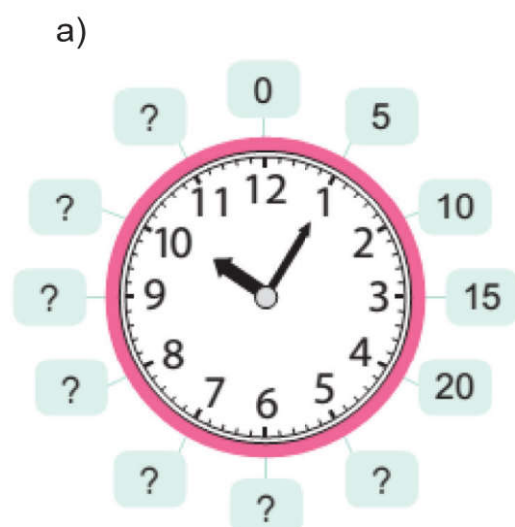
10 giờ 27 phút



9 giờ 56 phút hoặc
10 giờ kém 4 phút



1. Số?



2. Xem đồng hồ và đọc giờ (theo mẫu)

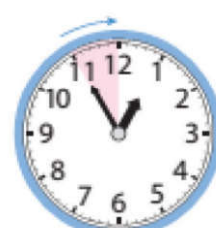
Mẫu:



4 giờ 35 phút
hoặc
5 giờ kém 25 phút



5 giờ 50 phút
hoặc
6 giờ kém 10 phút



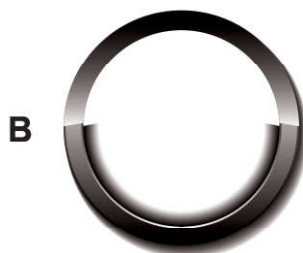
12 giờ 55 phút
hoặc
1 giờ kém 5 phút



3. Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ?



4. Mỗi đồng hồ sau chỉ thời gian tương ứng với cách đọc nào?



a) 2 giờ 7 phút

b) 11 giờ rưỡi

c) 7 giờ 22 phút

d) 9 giờ kém 8 phút

e) 12 giờ 35 phút

g) 10 giờ kém 15 phút



5. Nối hai đồng hồ chỉ cùng thời gian vào buổi chiều hoặc buổi tối?

A		E		D	
B		I		E	
C		K		E	
		L		G	
		M			
		N			



6. Bữa trưa Chủ nhật, cả nhà sẽ cùng nhau vào bếp và nấu các món ăn

a) Nồi cơm được cắm điện vào lúc 10 giờ 10 phút. Sau 40 phút nữa, điện sẽ tự ngắt và cơm sẽ chín. Hỏi đồng hồ nào dưới đây chỉ lúc cơm chín?

A	B	C	D

b) Mẹ làm món rau trộn mất 7 phút. Mẹ bắt đầu làm vào lúc 10 giờ 50 phút. Hỏi đồng hồ nào dưới đây chỉ lúc mẹ làm xong món rau trộn?

A	B	C	D

Bài 33

THÁNG - NĂM



Thực hiện các hoạt động sau:

a) Đọc tờ lịch sau và cho biết mỗi tháng có bao nhiêu ngày?

Tháng 3						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

Tháng 4						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30

b) Một năm có bao nhiêu tháng? Mỗi tháng có bao nhiêu ngày?

c) Chia sẻ cách xác định mỗi tháng có bao nhiêu ngày mà anh/chị biết?



1. Một năm có 12 tháng là:

Tháng Một

Tháng Hai

Tháng Ba

Tháng Tư

Tháng Năm

Tháng Sáu

Tháng Bảy

Tháng Tám

Tháng Chín

Tháng Mười

Tháng Mười một

Tháng Mười hai

2. Số ngày trong từng tháng là:

Tháng 1 31 ngày	Tháng 2 28 hoặc 29 ngày	Tháng 3 31 ngày	Tháng 4 30 ngày
Tháng 5 31 ngày	Tháng 6 30 ngày	Tháng 7 31 ngày	Tháng 8 31 ngày
Tháng 9 30 ngày	Tháng 10 31 ngày	Tháng 11 30 ngày	Tháng 12 31 ngày



1. Trả lời các câu hỏi:

- Bây giờ đang là tháng mấy? Tháng này có bao nhiêu ngày?
- Những tháng nào trong năm có 30 ngày?
- Những tháng nào trong năm có 31 ngày?

2. Xem hai tờ lịch sau và trả lời các câu hỏi:

Tháng 11						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

Tháng 12						
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

- Tháng 11 có bao nhiêu ngày? Tháng 12 có bao nhiêu ngày?
 - Ngày 20 tháng 11 là thứ mấy?
 - Ngày cuối cùng của tháng 12 là thứ mấy?
 - Các ngày Chủ nhật của tháng 12 là những ngày nào?
- 3. a)** Một triển lãm tranh diễn ra từ ngày 25 tháng 8 đến hết ngày 30 tháng 8.
Hỏi triển lãm đó diễn ra trong bao nhiêu ngày?

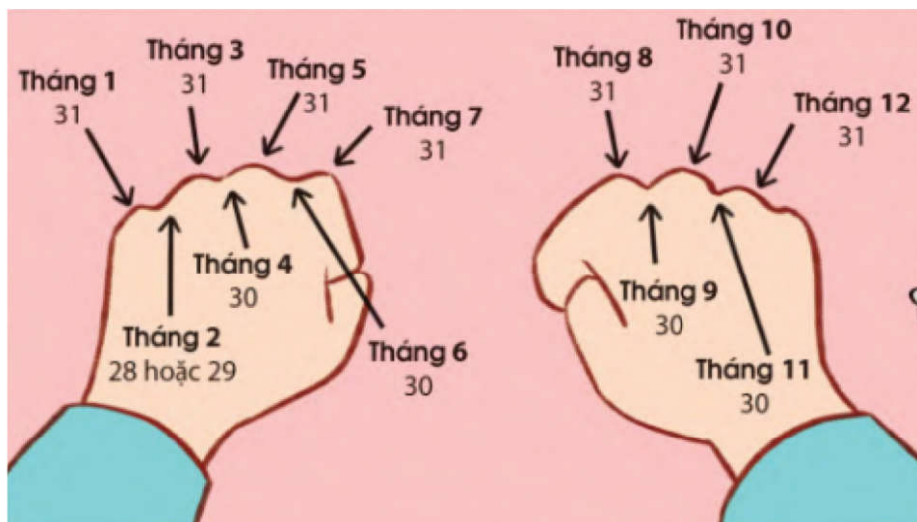
- b) Hội chợ Xuân diễn ra trong một tuần bắt đầu từ ngày 9 tháng 1.
Hỏi hội chợ đó kết thúc vào ngày nào?

4. Đúng ghi Đ, sai ghi S

- a) Hôm nay là thứ Sáu thì 7 ngày nữa cũng là thứ Sáu.
b) Tháng 6 có 31 ngày.
c) 1 năm = 12 tháng, 1 tháng = 30 ngày.



5. Thực hành: Xác định số ngày trong mỗi tháng



Để xác định số ngày trong tháng, có thể làm như sau:

- Nắm bàn tay như hình vẽ.
- Bắt đầu đếm ở chỗ nhô lên của ngón tay út (ứng với tháng 1).

Bài 34

DIỆN TÍCH. ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG. MÉT VUÔNG



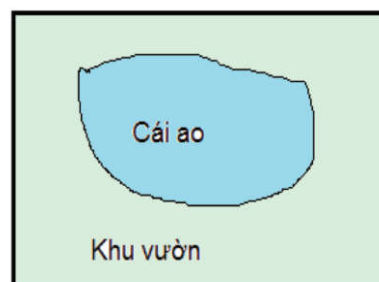
Thực hiện các hoạt động sau:

Kể một số ví dụ về diện tích trong cuộc sống, chẳng hạn: Diện tích mảnh vườn, diện tích ngôi nhà đang ở,...



1. Diện tích

- Một cái ao nằm hoàn toàn trong khu vườn. Ta nói “Diện tích cái ao bé hơn diện tích khu vườn”.
- Hai căn phòng được lát kín bởi cùng một số viên gạch có kích thước như nhau. Ta nói “Diện tích hai căn phòng bằng nhau”.
- Để đo diện tích ta dùng đơn vị đo diện tích, chẳng hạn xăng-ti-mét vuông, mét vuông,...



2. Đơn vị đo diện tích:

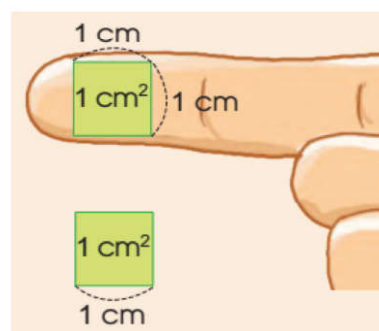
a) Xăng-ti-mét vuông

- Xăng-ti-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm.
- Xăng-ti-mét vuông viết tắt là cm^2 .

b) Mét vuông

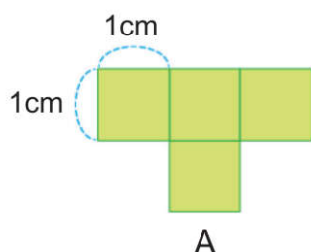
- Mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1m.
- Mét vuông viết tắt là m^2

$$1\text{m}^2 = 10\,000\text{cm}^2$$

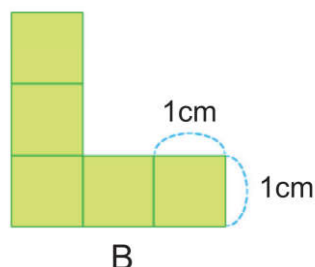




1. a) Số?



Hình A gồm ô vuông 1 cm^2 .
Diện tích hình A bằng cm^2 .



Hình B gồm ô vuông 1 cm^2 .
Diện tích hình B bằng cm^2 .

b) So sánh diện tích hình A và diện tích hình B.

2. Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)

Đọc	Viết
Mười lăm xăng-ti-mét vuông	15 cm^2
Hai trăm ba mươi tư xăng-ti-mét vuông	
	150 m^2
Mười nghìn mét vuông	
	$1\,500 \text{ cm}^2$
Mười ba nghìn mét vuông	

3. Tính (theo mẫu)

Mẫu:

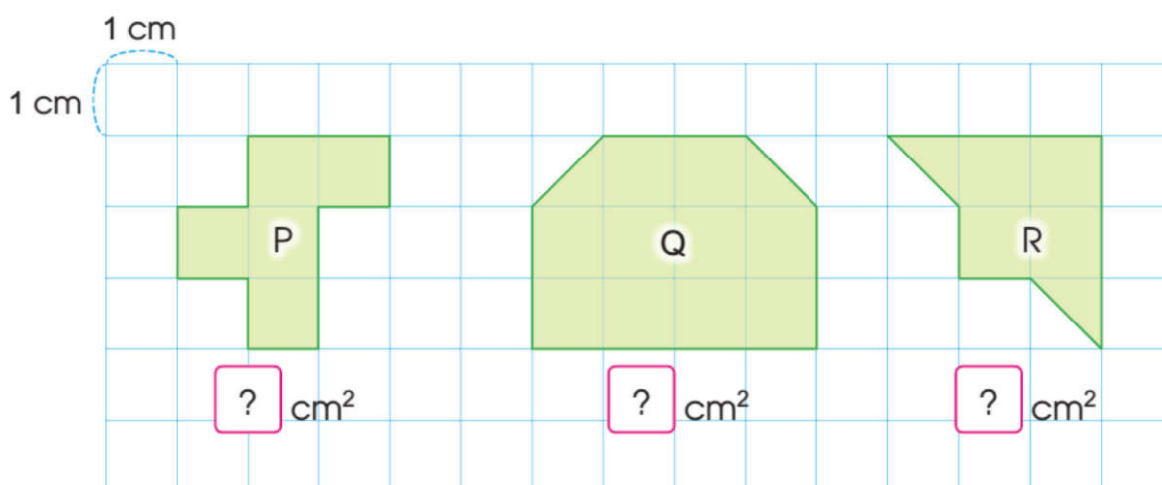
$$10 \text{ cm}^2 + 5 \text{ cm}^2 = 15 \text{ cm}^2$$

$$7 \text{ m}^2 \times 6 = 42 \text{ m}^2$$

a) $8 \text{ cm}^2 + 5 \text{ cm}^2$
 $37 \text{ m}^2 - 20 \text{ m}^2$

b) $9 \text{ cm}^2 \times 3$
 $36 \text{ cm}^2 : 4$

4. a) Số?



b) Trong các hình trên, hình nào có diện tích lớn nhất?



5. Để lát 1m^2 nền nhà cần 25 viên gạch. Hỏi muốn lát 9m^2 nền nhà thì cần bao nhiêu viên gạch đó?

6. a) Cánh điều màu đỏ có diện tích 900cm^2 . Cánh điều màu vàng có diện tích 880cm^2 . Hỏi diện tích cánh điều màu đỏ hơn diện tích cánh điều màu vàng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

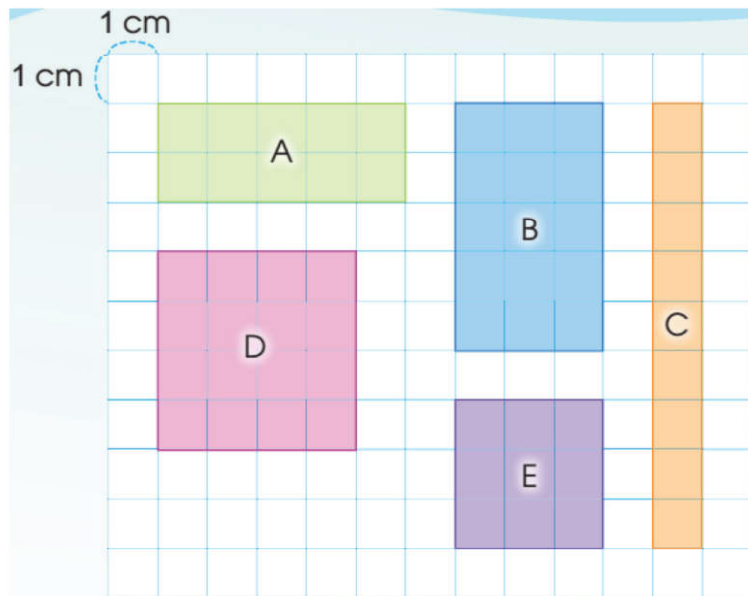
b) Thửa ruộng nhà bà Hiên có diện tích 239m^2 , thửa ruộng nhà ông Tám có diện tích 420m^2 . Hỏi thửa ruộng nhà ông Tám có diện tích rộng hơn thửa ruộng nhà bà Hiên bao nhiêu mét vuông.

Bài 35

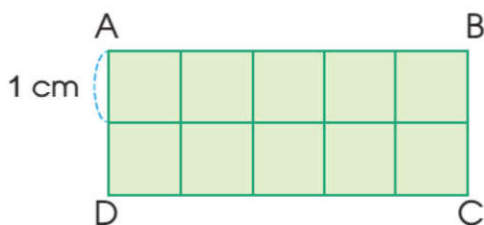
DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT. DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG



Quan sát sơ đồ sau rồi tính diện tích mỗi hình:



1. Diện tích hình chữ nhật



Hình chữ nhật ABCD có:

$$5 \times 2 = 10 \text{ (ô vuông)}$$

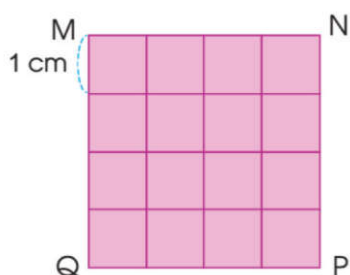
Diện tích mỗi ô vuông là 1cm^2 .

Diện tích hình chữ nhật ABCD là

$$5 \times 2 = 10 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo).

2. Diện tích hình vuông

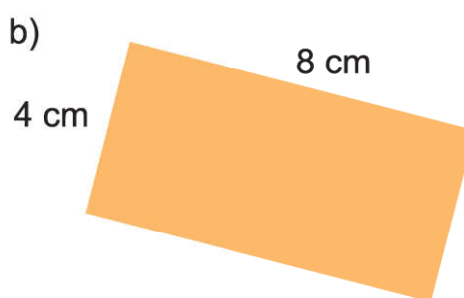
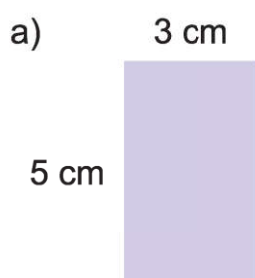


Hình vuông MNPQ có:
 $4 \times 4 = 16$ (ô vuông)
 Diện tích mỗi ô vuông là 1cm^2 .
 Diện tích hình vuông MNPQ là
 $4 \times 4 = 16 (\text{cm}^2)$

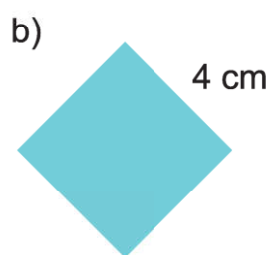
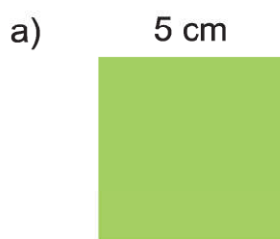
Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.



1. Tính diện tích mỗi hình chữ nhật sau:



2. Tính diện tích mỗi hình vuông sau:



3. Viết tiếp vào ô trống (theo mẫu)

a)

Chiều dài	Chiều rộng	Diện tích hình chữ nhật	Chu vi hình chữ nhật
3 cm	2 cm	$3 \times 2 = 6 (\text{cm}^2)$	$(3 + 2) \times 2 = 10 (\text{cm})$
10 cm	6 cm		
15 m	4 m		
21 m	7 m		

b)

Chiều dài	Diện tích hình vuông	Chu vi hình vuông
5 cm	$5 \times 5 = 25 \text{ (cm}^2\text{)}$	$5 \times 4 = 20 \text{ (cm)}$
2 cm		
8 m		
9 m		



4. a) Một miếng bìa hình chữ nhật có chiều rộng 5cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính diện tích miếng bìa hình chữ nhật đó.

b) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 9m, chiều dài 12m. Tính diện tích mảnh đất đó.

5. a) Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật chiều dài 14m, chiều rộng 9m. Tính diện tích mảnh vườn đó.

b) Một tấm biển quảng cáo có dạng hình vuông cạnh 8m. Tính diện tích tấm biển quảng cáo đó.

Bài 36

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU



Hỏi thông tin về chiều cao của một số học viên trong lớp rồi hoàn thành bảng sau:

Tên				
Chiều cao (cm)				



Số liệu điều tra số ngày có mưa trong các tháng 7, tháng 8, tháng 9 của một huyện miền núi được biểu diễn bằng bảng số liệu thống kê sau:

Số ngày có mưa trong các tháng 7, tháng 8, tháng 9

Tháng	7	8	9
Số ngày có mưa	18	15	3

Bảng này có các yếu tố:

- Tên của bảng.
- Hàng trên ghi tên các tháng.
- Hàng dưới ghi số ngày có mưa trong mỗi tháng.



1. Quan sát bảng số liệu thống kê rồi trả lời câu hỏi

Bảng thống kê số người trong gia đình 4 học viên

Gia đình	Hoa	Hoàng	Huy	Yến
Số người	8	5	7	6

Bốn gia đình được ghi trong bảng là gia đình bạn .?., gia đình bạn .?., gia đình bạn .?., gia đình bạn .?.

- a) Gia đình bạn Hoa có .?. người; gia đình bạn Hoàng có .?. người.
- b) Gia đình bạn Yến ít hơn gia đình bạn Hoa .?. người.

2. Quan sát bảng số liệu thống kê rồi trả lời câu hỏi:

Bảng thống kê số lít nước mắm cửa hàng đã bán được trong 4 tháng cuối năm

Tháng	9	10	11	12
Nước mắm (l)	236	432	220	543

Nhìn vào bảng thống kê, hãy cho biết:

- a) Tháng bán được ít nước mắm nhất là tháng mấy?
- b) Bốn tháng cửa hàng đó bán được bao nhiêu lít nước mắm?



3. Số thóc gia đình chị Hồng thu hoạch được trong 3 năm như sau:

Năm 2020: 3 250kg; Năm 2021: 5 600kg; Năm 2022: 4 730kg.

Hãy điền số liệu thích hợp vào ô trống trong bảng sau:

Số thóc gia đình chị Hồng thu hoạch được trong 3 năm

Năm	2020	2021	2022
Số thóc			

Dựa vào bảng thống kê, hãy trả lời các câu hỏi:

Năm 2020 gia đình chị Hồng thu hoạch được ít hơn năm 2021 bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Hai năm 2021 và 2022 gia đình chị Hồng thu hoạch được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

4. Đọc bảng số liệu sau và trả lời câu hỏi:

Bảng thống kê số dân của ba dân tộc ở một xã vùng cao là

Dân tộc	Tày	Thái	H'mông
Số người	356	247	852

Nhìn vào bảng thống kê trên, hãy trả lời các câu hỏi sau:

a) Ở xã vùng cao đó, mỗi dân tộc có bao nhiêu người?

b) Dân tộc nào có số người ít nhất? Dân tộc nào có số người nhiều nhất?

Bài 37

KHẢ NĂNG HẢY RA CỦA MỘT SỰ KIỆN



Thực hiện hoạt động sau:

- Chuẩn bị một đồng xu;
- Tung đồng xu.

Nêu những khả năng có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu.



Đồng xu gồm hai mặt như sau:



Mặt ngửa



Mặt sấp

Quy ước: Mặt xuất hiện chữ N trên đồng xu là mặt ngửa, mặt xuất hiện chữ S trên đồng xu là mặt sấp.

Tung đồng xu một lần. Các khả năng có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu là: mặt sấp, mặt ngửa.



1. Một hộp đựng một số quả bóng xanh và quả bóng đỏ. An bịt mắt lấy một cách ngẫu nhiên một quả bóng. Hỏi có những khả năng nào về màu sắc của quả bóng được lấy ra?

2. Một hộp kín đựng 3 chiếc thẻ có hình dạng giống nhau lần lượt ghi các số 2, 7, 4. Bạn Khoa rút ra một cách ngẫu nhiên một chiếc thẻ. Hỏi có những khả năng nào về số ghi trên thẻ được rút ra.

3. Có 7 thẻ như hình dưới đây. Đặt úp các thẻ xuống và lật ngẫu nhiên một thẻ. Hỏi thẻ được lật lên có thể có những khả năng nào về loại quả in trên thẻ?



4. Đúng ghi Đ, sai ghi S

Trong hội chợ Tết, bác Đức, bác Trí và chú Dũng bốc thăm mã số trúng thưởng. Trong thùng còn lại 5 số từ 13 820 đến 13 824. Bác Đức bốc được số 13 824.

Như vậy:

a) Bác Trí không thể bốc được số 13 819

?

b) Chú Dũng chắc chắn bốc được số 13 824

?

c) Chú Dũng có thể bốc được số 13 822

?

Bài 38

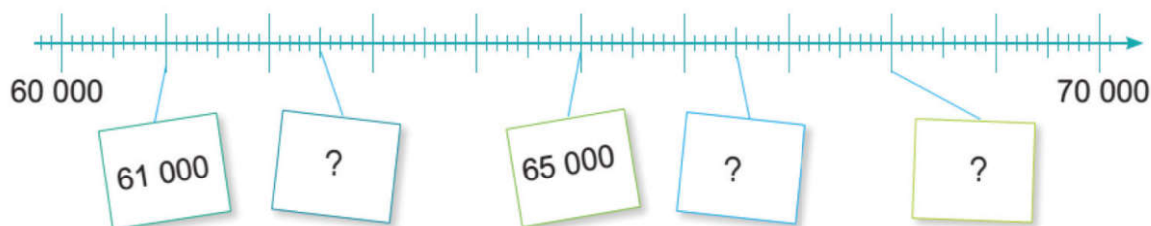
ÔN TẬP CUỐI KỲ



Thực hiện theo nhóm: Tổng kết những kiến thức đã học.



1. a) Số?



b) Làm tròn số 62 000 đến hàng chục nghìn.

c) Sắp xếp các số dưới đây theo thứ tự từ bé đến lớn:

15 896, 15 968, 15 986, 15 698

2. Đặt tính rồi tính

$$47\,516 + 25\,348$$

$$5\,218 \times 3$$

$$52\,375 - 28\,167$$

$$47\,635 : 7$$

3. Chọn chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Giá trị của biểu thức $(20\,354 - 2\,338) \times 4$ là:

A. 9 802

B. 78 778

C. 72 904

D. 72 064

b) Giá trị của biểu thức $56\,037 - (35\,154 - 1\,725)$ là:

A. 19 158

B. 22 608

C. 38 133

D. 3 633

4. Dưới đây là bảng số liệu thống kê lượng tinh dầu tràm của một cửa hàng đã bán được trong ba tháng cuối năm.

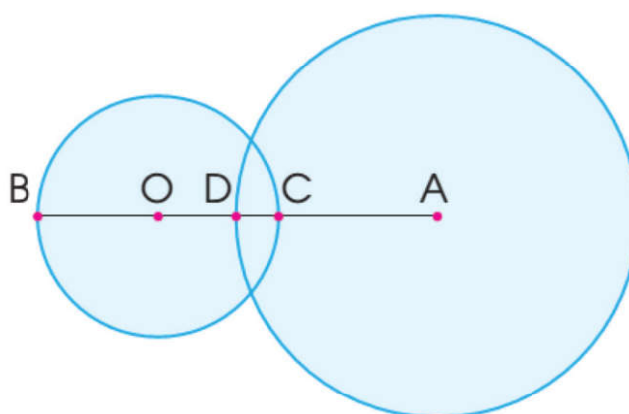
Tháng	10	11	12
Lượng tinh dầu tràm	3 200 ml	2 250 ml	4 800 ml

Dựa vào bảng trên, hãy trả lời các câu hỏi:

- Tháng 11 cửa hàng bán được bao nhiêu mi-li-lít tinh dầu tràm?
- Tháng nào cửa hàng bán được nhiều tinh dầu tràm nhất?
- Cả ba tháng cửa hàng bán được bao nhiêu mi-li-lít tinh dầu tràm?

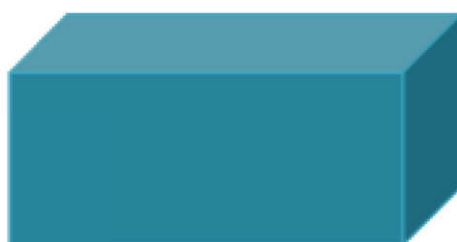


5. a) Chỉ ra tâm, bán kính của mỗi hình tròn sau:



- Đọc tên trung điểm của đoạn thẳng BC trong hình trên.

6. Chọn chữ đặt trước đáp án đúng



a) Khối hộp chữ nhật có:

A. 16 đỉnh. B. 12 đỉnh. C. 8 đỉnh. D. 24 đỉnh.

b) Khối lập phương có:

A. 4 mặt. B. 6 mặt. C. 8 mặt. D. 12 mặt.

c) Khối hộp chữ nhật có:

A. 16 cạnh. B. 24 cạnh. C. 8 cạnh. D. 12 cạnh.



7. a) Người ta muốn làm hàng rào quanh một cái sân hình chữ nhật có chiều dài 100m, chiều rộng 9m. Hỏi người ta cần phải rào bao nhiêu mét? Biết rằng phần để làm cổng rộng 2m.

b) Trong sân chơi trên người ta để ra một khoảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 9m cho trẻ con chơi. Hỏi nếu trải cỏ nhân tạo vào khoảnh đất đó thì cần bao nhiêu mét vuông cỏ?

8. May mỗi bộ quần áo vừa hết 3m vải. Hỏi nếu một công ty may có 10 250m vải thì may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo như thế và còn thừa mấy mét vải?

TÀI LIỆU HỌC XÓA MÙ CHỮ - TOÁN KỲ 3

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng - Q. Đống Đa - TP Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập: Vũ Thị Thu Ngân

Vẽ bìa: Vũ Thị Bình Minh

Sửa bản in: Quang Minh

Trình bày sách: Nguyễn Ngọc Dũng

Chế bản: Nguyễn Ngọc Dũng

LIÊN KẾT XUẤT BẢN: CÔNG TY CP SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ

In 1.140 bản, khổ 19 × 26,5 cm tại Nhà máy in Bộ Quốc phòng, Địa chỉ:
Thôn Lưu Phái - xã Ngũ Hiệp - huyện Thanh Trì - Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 3671-2023/CXBIPH/28-132/DT

Quyết định xuất bản số: 3104/QĐXB-NXBĐT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp
ngày 15 tháng 11 năm 2023

Mã ISBN: 978-604-40-0250-7

In xong, nộp lưu chiểu Quý IV năm 2023